

Kỷ niệm 20 năm chủ nghĩa cộng sản sụp đổ

Bài của Lê Diễn Đức - đài RFI

Ngày mùng 6 tháng 2 năm 1989, cách nay đúng 20 năm, chính quyền cộng sản Ba Lan chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với đối lập. Sự kiện mang tên Hội Nghị Bàn Tròn đánh dấu tiến trình sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản. Chỉ hai tháng sau, Hội Nghị Bàn Tròn đưa đến kết quả là đôi bên thỏa thuận tổ chức tổng tuyển cử tự do cho một phần Quốc Hội. Nhờ vào cuộc bầu cử này, được tổ chức vào tháng 6, đối lập Ba Lan đã giành được thắng lợi to lớn. Một Quốc Hội chuyển tiếp hình thành và chỉ vài tuần sau, một chính phủ không cộng sản đầu tiên được thành lập tại Ba Lan, kể từ 45 năm. Để rộng đường dư luận, RFI xin đăng nguyên văn bài viết sau đây của ông Lê Diễn Đức.

Phần I: Đối thoại và thỏa hiệp - con đường dẫn tới dân chủ của Ba Lan

Cách đây 20 năm, 6/02/1989, ngày mở đầu Hội nghị Bàn Tròn lịch sử giữa nhà cầm quyền cộng sản Ba Lan và Công đoàn Đoàn kết. Hội nghị Bàn Tròn là tiến trình đối thoại, dẫn tới chuyển hoá bất bạo lực từ chế độ cộng sản sang thể chế dân chủ của Ba Lan, tạo nên hiệu ứng domino cho hàng loạt các nước cộng sản khác ở Trung-Đông Âu, làm thay đổi cục diện chính trị toàn châu lục và thế giới.

Bên Bàn Tròn, một phía là những người cộng sản cầm quyền. Phía khác là những nhà hoạt động dân chủ đã từng bị truy bức hoặc ngồi tù bởi chính những người đối diện. Họ không quen biết nhau, không trọng nhau, không tin nhau, thậm chí thù ghét nhau. Tổng biên tập nhật báo Gazeta Wyborcza (GW), Adam Michnik, bấy giờ là một trong các đại diện của phe đối lập, viết: "Với cả bên này và bên kia đều là cuộc thử thách - chúng ta đừng sợ đại ngôn - trước lòng yêu nước và trách nhiệm với Ba Lan. Tôi nghĩ rằng, trong những ngày ấy, tất cả đều đã vượt qua thử thách này" – (GW 4/04/2006).

Hội nghị Bàn Tròn xuất phát từ sáng kiến của thủ lĩnh Công đoàn Đoàn kết L. Walesa và tướng C. Kiszczak, Bộ trưởng Nội vụ trong cuộc gặp mặt vào tháng 8/1988. Hội nghị diễn ra ở một số địa điểm, kết thúc tại Warszawa, với 452 người tham dự. Chương trình tập trung vào ba vấn đề:

- Kinh tế và chính sách xã hội;
- Cải cách chính trị;
- Đa nguyên cho công đoàn.

Chính quyền cộng sản đồng ý ngồi đàm phán với phe đối lập trước hết do áp lực của làn sóng bãi công, tranh đấu đòi tự do, dân chủ diễn ra liên tục trên toàn quốc từ nhiều năm trước, mãnh liệt nhất vào giai đoạn sau khi ban bố tình trạng chiến tranh ngày 13/12/1981. Thứ đến, kinh tế suy sụp, lạm phát phi mã, nợ chồng chất, khiến nhà cầm quyền không còn căn cước xã hội để giải quyết các nan đề. Họ muốn trút một phần gánh nặng và trách nhiệm cho đối lập, từ đó lấy lại niềm tin của dân chúng, thực hiện các cải cách cứu vãn kinh tế.

Michnik viết: "Chắc chắn bên ngoài chiếc Bàn Tròn là sự yếu đuối. Những người cầm quyền bị suy yếu khó thể huỷ diệt đối lập dân chủ, những người đối lập thì còn yếu không thể lật đổ chế độ cộng sản. Bên trên sự thỏa hiệp lớn vờn bóng đen của nước Nga đang mò mẫm tự do nhưng bị ràng trói bởi chủ nghĩa đế chế và cộng sản. Những người cầm quyền tới Hội nghị Bàn Tròn với niềm tin rằng, phải thay đổi tất cả để làm sao mọi thứ vẫn như cũ. Những người đối lập dân chủ thì tin rằng, cần phải tôn trọng mọi thực tế để làm sao thay đổi tất cả" - (GW 4/04/26).

Tiến trình dân chủ

Qua 2 tháng đàm phán gay go, kết thúc vào ngày 5/04/1989, Hội nghị Bàn Tròn đạt được thỏa thuận quan trọng: bảo đảm bầu cử tự do 35% tổng số ghế của quốc hội và tự do hoàn toàn cho 100 ghế của Thượng viện. Trong cuộc bầu cử 4/06/1989, phe đối lập đã giành được 99 trong 100 ghế của Thượng viện và lấy hết 35% số ghế quốc hội. Quốc hội "chuyển tiếp" hình thành và chỉ định W. Jaruzelski, Bí thư thứ nhất đảng cộng sản, làm tổng thống. Ba tuần sau, chính phủ không cộng sản đầu tiên được thành lập kể từ 45 năm.

Ngày 9/12/1989, Lech Walesa giành thắng lợi trong cuộc bầu cử tổng thống tự do đầy kịch tính.

Tháng 27/01/1990, đảng cộng sản Ba Lan tuyên bố giải thể. Phần lớn đảng viên chuyển sang hoạt động với khuynh hướng mới trong tổ chức mang tên Liên minh Cánh tả Dân chủ.

Ngày 27/10/1991, bầu cử quốc hội tự do. Hàng trăm đảng phái ra tranh cử. Có 29 đảng lọt vào quốc hội nhưng không đảng nào đạt đa số. Phe đối lập dân chủ thành lập chính phủ liên minh. Từ đây đánh dấu bước chuyển mình khó khăn của nền dân chủ non trẻ Ba Lan.

Có dân chủ, các đảng phái chính trị đua nhau ra đời như nấm mọc sau cơn mưa. Cuộc tranh giành quyền lực lúc nào cũng quyết liệt bởi tham vọng, chia rẽ, cục bộ, quan liêu, tham nhũng. Trong 10 năm đầu thay đổi thủ tướng đến 7 lần! Thế nhưng, những bài học cọ xát đã giúp ý thức dân chủ trưởng thành. Qua 20 năm sàng lọc, các tổ chức yếu kém, cục đơan bị loại dần, chỉ còn từ 4 đến 5 đảng lọt vào quốc hội. Theo thời gian, sinh hoạt dân chủ Ba Lan phát triển và tự hoàn thiện, an ninh xã hội ổn định, mức sống của người dân được nâng cao rõ rệt. **Những năm gần đây Ba Lan đạt mức tăng trưởng hàng đầu ở châu Âu.** Từ nền kinh tế cộng sản kiệt quệ, đến năm 2008, Ba Lan có tổng thu nhập GDP 567,4 tỷ đôla (với 38,1 triệu dân), là thành viên quan trọng của Liên hiệp châu Âu (EU) và Khối Quân sự NATO. Trong bối cảnh suy thoái kinh tế thế giới hiện thời, Ba Lan tuy bị ảnh hưởng nhưng đứng khá vững vàng với hệ thống ngân hàng an toàn và cơ hội kích hoạt kinh tế lớn từ việc tận dụng quỹ xây dựng hạ tầng nhiều tỷ euro của EU.

Ai đó nói rằng, đưa trẻ sẽ chẳng bao giờ biết bơi nếu không cho nó xuống nước. Thật chí lý với người Ba Lan khi họ quyết định lội vào dòng dân chủ. Các giá trị cơ bản của dân chủ và nhân quyền không phải của riêng ai hay do Mỹ và Tây phương áp đặt, mà là sản phẩm chung của nhân loại. Nó cho phép người Ba Lan bằng lá phiếu của mình được quyền đào thải những kẻ bất tài, thất đức và quyền được chọn những người có hạnh kiểm tốt và trí tuệ giỏi điều hành đất nước.

Thắng lợi hay phản bội?

Trong 20 năm qua, Hội nghị Bàn Tròn là một trong những sự kiện thuộc về quá khứ, cộng sản vốn vẫn thường xuyên là đề tài nhức nhối, phức tạp trong xã hội Ba Lan. Không phải ai cũng đánh giá tích cực Hội nghị Bàn Tròn, thậm chí còn phủ nhận nó, kể cả những người đã trực tiếp tham dự. Truyền thông, báo chí tự do với trách nhiệm làm công bằng và lành mạnh hoá xã hội, đưa các sự kiện ra mổ xẻ, phân tích. Nhiều người cho rằng, Hội nghị Bàn Tròn là màn kịch do an ninh cộng sản đạo diễn và ngồi chung với cộng sản/kẻ thù là phản bội lại lý tưởng tự do, dân chủ.

- J. Olszewski, cựu Thủ tướng Ba Lan (1991-1992) đưa ra các dẫn chứng kết luận Hội nghị Bàn Tròn chỉ nhằm hợp thức những gì an ninh cộng sản đã sắp đặt trước với Lech Walesa - (Tuần báo "Głos", số 54, 1989).
- J. Korwin-Mike, một nhà hoạt động đối lập nhận định Hội nghị Bàn Tròn chẳng qua là sự chấp nhận chuyển chế độ màu đỏ sang hồng.
- J. Kurski, dân biểu quốc hội nói: "Tôi sẵn sàng đồng ý với giả thiết rằng, không có Hội nghị Bàn Tròn thì chế độ cộng sản ở Ba Lan cũng sụp đổ" – (GW 4/04/2006).
- Đương kim tổng thống L. Kaczynski ôn hoà hơn: "Hội nghị Bàn Tròn có thể và cần phải phê phán. Nhưng dù sao cũng là bước cần thiết, đây là những thoả thuận nào đó" – (GW 4/04/2006)

Vấn vân...Chính phát biểu của Lech Walesa trong thời gian khai mạc Hội nghị đã lừng trước dư luận trên đây:

"Chiếc Bàn Tròn này bao quanh hy vọng và cả hoài nghi. Sẽ có những người không thừa nhận những gì chúng tôi phải làm việc. Chúng tôi không thể không nhìn thấy và không tôn trọng. Thế nhưng chúng tôi mong đợi ở tất cả mọi người sự chia sẻ trung thực những gánh nặng diễn biến của trách nhiệm mà giờ phút ấy đòi hỏi" – (TVN24. PL 30/01/2009)

Đối thoại và thoả hiệp

Không ai có thể phủ nhận được những thành quả và vị thế kinh tế, chính trị hơn hẳn của Ba Lan ngày nay ở châu Âu cũng như trên thế giới sau khi từ bỏ chế độ cộng sản. Chân lý cuối cùng cũng chiến thắng hoài nghi và đổ kỵ. Như T. Mazowiecki, thủ tướng Ba Lan không cộng sản đầu tiên năm 1989 nói: "Không thể có điểm kết của chủ nghĩa cộng sản nếu không có Hội nghị Bàn tròn" - (GW 4/04/2006).

Trong ngày 23/01/2009, quốc hội Ba Lan ra nghị quyết tổ chức trọng thể kỷ niệm 20 năm Hội nghị Bàn Tròn với cuộc hội luận "*Đối thoại và thoả hiệp*" vào ngày 5/02/2009. Có một đồng thuận tuyệt đối, hiếm hoi giữa tất cả các đảng cầm quyền và đối lập trong quốc hội về nội dung nghị quyết.

Nghị quyết có đoạn: " Hội nghị Bàn tròn là sự cố gắng của nhân dân Ba Lan suốt gần 50 năm tranh đấu với mục đích lật đổ chế độ cộng sản. Sự cố gắng này đã không dưới một lần đồng nghĩa với sự căng thẳng và bằng sự đổ máu của các chiến sĩ tự do...". "Những con người với chính kiến và nhân sinh quan khác nhau, từ phía Công đoàn Đoàn Kết đối lập và từ phía nhà cầm quyền bấy giờ, đã quyết định đối thoại. Sự sẵn sàng

thỏa hiệp ấy đã cho phép thực hiện những sứ mệnh của khoảnh khắc lịch sử”. “Cuộc chuyển hoá quyền lực bất bạo lực đã mở ra con đường xây dựng nền dân chủ ổn định trong một nhà nước với đường biên giới an toàn và quan hệ tốt với các quốc gia láng giềng”.

Cũng nên nhắc lại, rất nhiều người của cả hai phía, đối lập cũng như cộng sản, từng có mặt tại Hội nghị Bàn Tròn, đã hoặc đang nắm những trọng trách trong đất nước Ba Lan dân chủ. Điển hình là: L. Walesa (đối lập), Tổng thống 1991-1995; L. Miller (cộng sản), Thủ tướng 2001-2004; A. Kwaśniewski (cộng sản), Tổng thống 1995-2005; L. Kaczyński (đối lập), Tổng thống 2005-2010, v.v... ●

Phần II - Hungari, xã hội thay đổi trước chính quyền

Tác động của những cơn sóng ngầm vẫn không ngừng lan tỏa trong xã hội, kể từ khi cuộc nổi dậy năm 1956 của Hung đã bị Hồng Quân Liên Xô dập trong biển máu và một số lãnh đạo Hung, như ông Imre Nagy bị lên lút hành quyết, thi hài bị giấu kín trong vòng bí mật. Trong hai thập niên trước năm 1989, Hungari được xem như là gương mặt khả ái nhất trong phe cộng sản Đông Âu. Mức sống của dân Hung cao hơn nơi khác, nước này cũng đỡ ngột ngạt hơn Đông Đức, Roumani hay Bungari. Tuy nhiên, tác động của những cơn sóng ngầm vẫn không ngừng lan tỏa trong xã hội, kể từ khi cuộc nổi dậy của Hung chống chủ nghĩa Stalin năm 1956 đã bị Hồng Quân dập trong biển máu và một số lãnh đạo Hung, như ông Imre Nagy bị lên lút hành quyết, thi hài bị giấu kín trong vòng bí mật.

Vào năm 1989, dưới áp lực của công luận, Đảng cộng sản Hung đã phải công nhận cuộc nổi dậy năm 1956 không mang tính phản cách mạng. Đỉnh cao của công cuộc phục hồi cho những nạn nhân diễn ra vào tháng 6 năm 1989, khi gần nửa triệu người Hung tham gia việc tái mai táng cho Imre Nagy tại trung tâm thủ đô Budapest. Hungari, qua đó, đã nổi lại với lịch sử đích thực của mình và chủ nghĩa cộng sản, từ đó, không còn lý do tồn tại.



Hungary 20 năm nhìn lại

Đầu năm 2009, công luận và truyền thông Cộng hòa Hungary có chuỗi nhìn lại những biến cố lớn diễn ra cách đây 20 năm, khiến Hungary từ một quốc gia trong khối XHCN cũ, trở thành một xứ dân chủ vồn vện trong vòng 10 tháng, mà **không hề trải qua những đụng độ, đổ máu**. Tuy nhiên, để đạt được thành quả có thể coi là mẫu mực ấy, phe đối lập dân chủ ở Hung đã có vài chục năm bền bỉ và kiên trì, bắt đầu từ đầu thập niên 70 thế kỷ trước, hoạt động khá mạnh với những ấn phẩm samizdat (tự xuất bản) vào đầu thập niên 80, và đạt được sự tổ chức, đoàn kết và có ý thức ở mức cao khi tổng bí thư Gorbachev lên nắm quyền ở Liên Xô và thực hiện các chính sách cải tổ (perestroika), công khai (glasnost).

Cho đến mốc thời gian 1989, Hungary đã được “dọn đường” về chính trị, xã hội và kinh tế cho những biến chuyển dân chủ sâu rộng. Từ năm 1985-1986, phe đối lập đã có những hội nghị lớn ở vùng Monor, nhằm tìm ra con đường cho tương lai quốc gia – có thể coi đây là những “tiểu Hội nghị Diên Hồng” của Hungary. Năm 1987, bản “Khế ước Xã hội” của các nhân sĩ nổi tiếng đã được ấn hành, đề cập tới những điều kiện để phát triển nền chính trị dân chủ, với đòi hỏi nổi tiếng là lãnh tụ cộng sản Kádár János phải ra đi. Cùng năm, một văn kiện rất quan trọng khác là “Chuyển biến và cải tổ” cũng được ra mắt, đó là một chương trình cải cách, phân tích thể chế và tình hình kinh tế Hungary do 60 chuyên gia kinh tế và chính trị học chấp bút.

Trong hai năm 1987-88, các đảng đối lập lớn như Diễn đàn Dân chủ Hungary MDF, Liên đoàn Thanh niên Dân chủ FIDESZ, Liên đoàn Dân chủ Tự do SZDSZ được thành lập, Đảng Tiểu chủ Độc lập cũng hoạt động trở lại - biến cố này khiến liên minh đối lập trở thành một lực lượng chính trị khá đồng nhất về mục tiêu và ý tưởng cho đất nước. Chính họ đã tổ chức những cuộc biểu tình lớn, thu hút sự tham gia và hưởng ứng của đông đảo nhân dân, vào năm 1988 nhân kỷ niệm cách mạng 1848 (tháng 3), rồi nhân 30 năm ngày thủ tướng Nagy Imre của cuộc cách mạng 1956 bị tử hình (tháng 6).

Cho nên, đến đầu năm 1989, thì xã hội Hungary đã có những biến đổi vô cùng lớn lao so với các nước thuộc phe XHCN thời ấy. Nước Hung đã có những ngân hàng thương mại, người dân Hung từ mùa hè năm 1987 đã được tự do ra nước ngoài với cuốn "hộ chiếu thế giới". Hungary chấp nhận và đồng tình với việc mở cửa thị trường theo hướng tự do, việc chuẩn bị cho quá trình tư hữu hóa được tiến hành với các đạo luật hỗ trợ. Một

điểm hết sức quan trọng là sự ra đời của Đạo luật Bầu Cử mới của Hungary là bắt buộc phải có nhiều ứng viên trong những kỳ bầu cử, là một điều được coi là tiên phong thời đó.

Vào cuối thập niên 80 thế kỷ trước, đổi mới, cải tổ không chỉ là sự nghiệp của phong trào đổi lập và cư dân, mà còn là nhu cầu tồn tại của nhóm cởi mở trong nội bộ Đảng Công nhân Xã hội Hungary (MSZMP, tức Đảng Cộng sản Hungary). Cuối năm 1988, lãnh tụ Kádár János bị thay thế trên cương vị tổng bí thư Đảng, bởi Grósz Károly là một chính khách cộng sản tương đối cởi mở. Đồng thời, nội các Hung - đứng đầu là ông Németh Miklós - cũng theo hướng đổi mới. Với lời tuyên bố của lãnh tụ Liên Xô Gorbachev sẽ giảm các đạo quân Xô-viết đồn trú tại Đông Âu, cũng như những nỗ lực dân chủ hóa của vị chính khách này - như lời khẳng định "*người dân Liên Xô cần dân chủ như cần dưỡng khí để thở*" - xã hội Hung đã chín muồi cho những biến đổi dân chủ ôn hòa.



Tuy nhiên, những nỗ lực dân chủ của phe đổi lập cần một cú hích trong xã hội, và cú hích ấy đã đến rất bất ngờ vào cuối tháng 1-1989. Nhân cơ hội tổng bí thư đảng đi dự Diễn đàn Kinh tế Thế giới Davos ở Thụy Sĩ, một nhân vật cải cách trong đảng là Pozsgay Imre đã đột ngột tuyên bố trước báo giới kết quả nghiên cứu của một ủy ban đặc trách trực thuộc Ủy ban Trung ương Đảng về sự kiện 1956. Theo quan điểm của ủy ban này, thì biến cố 1956, trước nay vẫn chính thức bị coi là "bạo loạn phản cách mạng", thực chất là một cuộc nổi dậy của nhân dân. Các sử gia Hungary nhận định rằng kể từ thời điểm ấy, thể chế cũ ở Hung đã đánh mất tính chính đáng và phong trào đổi lập dân chủ - đặt trên nền tảng những ước vọng và đòi hỏi của cuộc cách mạng 1956 - chính thức được thừa nhận về căn bản.

Tuy nhiên, phải đợi đến phiên họp ngày 10/11-2-1989 của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Hungary thì những biến chuyển năm 1989 ở nước Hung **mới có diện mạo rõ rệt**. Trong phiên họp được đánh giá là lịch sử ấy, Đảng Cộng sản Hungary chính thức thừa nhận tính chất khởi nghĩa nhân dân của cách mạng 1956, đồng thời, chấp nhận sự cần thiết của sự hình thành một thể chế đa đảng và cho biết, họ sẵn sàng tham gia vào quá trình biến đổi ấy. Với quan điểm như thế, chính Đảng Cộng sản Hungary đã góp phần cho sự thành lập của **Bàn tròn Đổi lập vào ngày 22-3-1989**, là một đại diện chung của phe đổi lập, có quan điểm thống nhất trong những cuộc đàm phán với Đảng Cộng sản Hungary, dẫn đến sự hình thành của Đảng Xã hội Hungary (MSZP, xuất thân từ Đảng Cộng sản MSZMP, gồm những nhân vật cải tổ) vào tháng 10-1989.

Cũng cần kể đến

Những biến cố trong đại diện ra trước đó, vào mùa hè 1989 ở Hungary:

- Thứ nhất là lễ mai táng thủ tướng Nagy Imre và các cộng sự, những người đã bị điện Kremlin chỉ thị hành quyết trong cuộc cách mạng 1956. Buổi lễ diễn ra vào ngày 16-6, thu hút đại diện của chính quyền và tất cả các tổ chức đổi lập, cũng như gần nửa triệu dân cư tập trung tại Quảng trường Anh hùng, trung tâm thủ đô Budapest. Tất cả đều coi đây là một cuộc "thử lửa" cho một biến chuyển hòa bình, và kết quả là ngày hôm đó đã được dân Hung xem như ngày hòa giải dân tộc, xóa bỏ và hóa giải những oan khiên trong quá khứ,
- Thứ hai, là việc hàng trăm ngàn người tị nạn Đông Đức tràn sang Hungary, và vật tại các tòa đại sứ Phương Tây (đặc biệt là ĐSQ CHLB Đức) xin chiếu khán nhập cảnh và họ cho biết, bằng mọi giá, họ không muốn trở lại thể chế bưng bít ở Đông Đức. Ngày 10-9, ngoại trưởng Hungary Horn Gyula (về sau là thủ tướng Hungary trong nhiệm kỳ 1994-98), đã có một quyết định táo bạo và ngoạn mục, là mở biên giới Hung - Áo cho người tị nạn Đông Đức tràn sang Phương Tây. Động thái này, về sau đã được chính giới nước Đức trân trọng đánh giá: "*Người Hungary đã dỡ những viên gạch đầu tiên của bức tường Berlin và nước Đức phải biết về điều đó*". Đây đã là tiền đề cho sự thành lập của Đệ tam Cộng hòa Hungary vào ngày 23-10-1989 và việc đảng cầm quyền nhường chỗ cho các chính đảng đổi lập trong cuộc bầu cử tự do đầu tiên vào năm 1990.



Nước Hung đã trải qua thời hậu cộng sản một cách khá êm ả và khá mẫu mực.

- Đạo luật bồi hoàn tài sản tinh thần và vật chất cho những nạn nhân chế độ cũ đã được đưa ra và ông Sólyom László, kiến trúc sư của đạo luật này, người từng giữ chức chánh án Tòa án Hiến pháp Hungary thời kỳ 1990-2000, hiện là tổng thống Hungary, đã coi đây là dấu ấn của Hungary thế kỷ XX trong mắt ông.
- Đạo luật Thanh lọc cho phép kiểm tra quá khứ của những người từng tham gia chế độ cũ trong các cơ quan mật vụ chính trị, công khai hóa ở mức độ chấp nhận được những nhân vật ấy, mà không gây xáo trộn quá đáng trong xã hội. Các đảng viên cộng sản cũ không bị kỳ thị, truy đuổi hay phân biệt đối xử một cách đáng kể. Từ khi đạo luật này được thông qua và sửa đổi nhiều lần cho phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, khá nhiều nhân vật nổi tiếng (chính khách, các nhân sĩ, văn nghệ sĩ, nhà thể thao...) bị phát hiện là từng công tác với cơ quan an ninh mật thời trước. Tuy nhiên, trong từng trường hợp, dư luận xã hội đều tỏ ra công bằng và thấu hiểu, nên những rạn nứt ở mức độ lớn đã không xảy ra.
- Quá trình tư hữu hóa các công sở quốc doanh diễn ra nhanh chóng và triệt để. Tuy nhiên, đây là khâu được coi "có vấn đề" nhất của quá trình chuyển biến: cùng với chủ nghĩa kinh tế thị trường nhiều khi rùng rú ở Hung trong hai thập niên qua, đã khiến một bộ phận có quyền thế trong chính quyền có dịp làm giàu rất nhanh, trong khi nền kinh tế trong nước suy sụp vì những khoản nợ nước ngoài. Và đây cũng là điều khiến người dân Hung, trong dịp 20 năm nhìn lại quá khứ, cảm thấy tiếc.

Tuy nhiên, người dân Hung nói chung không có xu hướng hoài vọng quá khứ, không tiếc rẻ quá khứ "vàng son" như ở nhiều nước XHCN cũ khác. Các thăm dò dư luận cho thấy người dân không muốn trở lại chế độ cũ, không cảm thấy tiếc vì biến cố 20 năm trước, và đều đồng nhất với ý kiến cho rằng biến chuyển dân chủ là đúng đắn, cần thiết và chính là sự tiếp nối những nguyện vọng của dân tộc Hungary từ năm 1956.

Phần III. Gorbachev, những truân chuyên trong nội trị

Mikhail Gorbachev, lãnh tụ duy nhất của đảng Cộng sản Liên Xô đã góp phần đáng kể vào việc thiết lập sự hòa dịu giữa hai khối Cộng sản - Tư bản trên thế giới. Nhưng ông đã thất bại với những chính sách kinh tế, khiến đời sống người dân nước này càng kiệt quệ và bi đát. Ở chính tổ quốc mình, không ít người coi ông Gorbachev là kẻ phản bội lý tưởng Cộng sản, dẫn đến sự chấm dứt quyền uy tối thượng của ĐCS, làm tan rã Liên bang Xô-viết và khiến nước Nga đánh mất vị trí siêu cường. Sáu năm tại vị trên cương vị tổng bí thư đảng, cũng như tổng thống đầu tiên và duy nhất của Liên Xô, Gorbachev bị nhìn nhận là đã thất bại với những chính sách kinh tế, khiến đời sống cư dân Liên Xô kiệt quệ và bi đát, những nhu yếu phẩm quan trọng nhất như thịt cá, đường... cũng phải mua theo tem phiếu (và nhiều khi còn không có mà mua).

20 năm nhìn lại.

Gần 20 năm nhìn lại, có thể thấy rằng sự thất bại của Gorbachev đối với những chính sách nội trị và dân sinh có thể coi là "tất yếu", nếu chúng ta để ý rằng mỗi đường đi nước bước của Gorbachev đều gặp phải sự kháng cự quyết liệt của phe bảo thủ trong đảng. Và chính ý đồ muốn dung hòa giữa các phe phái, cải tổ ít nhiều mang tính nửa vời trong khuôn khổ vẫn giữ vai trò lãnh đạo của ĐCS, và vẫn giữ cấu trúc của Liên bang Xô-viết mà không đi đến cùng trong vấn đề sắc tộc, đã khiến Gorbachev phải "chịu trận" trong gọng kìm của cả hai phe, cởi mở cấp tiến và bảo thủ, để rồi mất dần quyền lực vào tay Boris Yeltsin, người từng là đồng chí của ông trong công cuộc đổi mới.

Chúng ta có thể điem qua, theo trình tự thời gian, những truân chuyên trong nội trị của Gorbachev kể từ khi lên nắm chức vụ tổng bí thư ĐCS Liên Xô năm 1985:

Glasnost và Perestroika.

Ngay sau khi nên nắm quyền, Gorbachev đã tuyên bố tình trạng trì trệ của ĐCS và sa lầy của nền kinh tế quốc dân Liên Xô, và đề ra những mô hình *glasnost* (mở cửa, công khai hóa), *perestroika* (tái cơ cấu, đổi mới) và *uskoreniye* (tăng tốc trong kinh tế). Cải cách đáng kể đầu tiên được Gorbachev đưa ra trong kinh tế là cải cách về rượu năm 1985, nhằm ngăn chặn tệ nghiện ngập bao trùm Liên bang Xô-viết, ảnh hưởng đến sức lao động và xã hội Liên Xô, bằng cách tăng giá rượu bia và điều tiết việc mua bán, sử dụng đồ uống có chất cồn, cũng như hạn chế hình ảnh rượu bia trên phim ảnh và các phương tiện đại chúng. Tuy nhiên, đối với một nước Nga truyền thống nghiện ngập và ưa rượu chè, cải cách này đã hoàn toàn thất bại: không những không làm giảm chứng nghiện rượu, nó còn khiến ngân khố quốc gia sụt giảm ghê gớm, và tệ chợ đen tăng mạnh.

Gần một năm sau, ngay sau khi Đại hội lần thứ 26 ĐCS Liên Xô thông qua và đưa lên tầm nghị quyết của đảng những cải cách do Gorbachev đề xuất, tai nạn khủng khiếp của lò phản ứng hạt nhân ở Chernobyl xảy

ra và việc Gorbachev không nhận được những thông tin cần thiết để kịp thời đưa sự việc ra trước công luận như ông mong muốn, cho thấy hố sâu giữa phe cởi mở và phe bảo thủ trong nội bộ đảng ngày càng lớn. Trong vụ này, Gorbachev đã nhận được rất nhiều lời chỉ trích từ thế giới, cho dù ông đã ra chỉ thị cho chính quyền “*phải đưa ra ánh sáng toàn bộ sự thật*”, nhưng bộ máy quan liêu đã ngăn chặn ông làm điều đó.

Năm 1987, trong phiên họp của Ủy ban Trung ương ĐCS Liên Xô vào tháng Giêng, nhiều cải tổ chính trị cấp tiến của Gorbachev được đưa ra, như khả năng có nhiều ứng viên cho một vị trí trong các cuộc bầu cử, đưa người không phải đảng viên vào Chính phủ, hoặc khả năng mở rộng hệ thống hợp tác xã để cho yếu tố tư nhân tham gia nền kinh tế quốc dân và kinh doanh với ngoại quốc.

Phe cải tổ đối đầu quyết liệt với phe bảo thủ.

Trong năm, rất nhiều đối thủ chính trị của Stalin từng thiệt mạng trong các cuộc thanh trừng thập niên 30 đã được phục hồi danh dự, công cuộc “phi Stalin hóa” được sang một trang mới. Tuy nhiên, phe bảo thủ - viện cớ Liên Xô bị suy yếu và “mất mặt” sau sự việc một phi công Tây Đức công nhiên hạ cánh với chiếc máy bay cá nhân nhỏ ngay tại Hồng trường – đã lên tiếng công kích đối mới, cho rằng đó là sự phản bội những nguyên tắc của CNCS.

Sự giành giật giữa Gorbachev và phe cải tổ, với những phần tử bảo thủ trong đảng càng quyết liệt trong năm 1988, khi Gorbachev tuyên bố chính sách *glasnost* (công khai hóa), **cho phép người dân có thể có những quyền tự do, đặc biệt là tự do ngôn luận, tự do báo chí**, với hy vọng người dân sẽ ủng hộ nhiều hơn những nỗ lực cải tổ kinh tế thông qua các cuộc tranh luận công khai trong xã hội. Nhiều tù nhân chính trị, những người bất đồng chính kiến, đã được trả tự do trong dịp này. Đặc biệt, Đạo luật về các cơ sở kinh tế (thường được gọi là Luật Hợp tác xã) có hiệu lực từ tháng 3-1988 – có lẽ là cải cách kinh tế cấp tiến nhất trong những năm đầu của Gorbachev - đã cho phép người dân sở hữu các doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực dịch vụ, sản xuất và thương mại với nước ngoài. Một số yếu tố căn bản của quá trình tư nhân hoá sau này đã được bắt đầu từ đây.

Liên Xô : 10 năm sa lầy tại Afghanistan.

Năm 1988 còn đánh dấu một sự kiện quan trọng khác : quân đội Liên Xô rút quân khỏi Afghanistan sau gần 10 năm sa lầy tại đây, khiến 15 ngàn quân nhân bị thiệt mạng, kinh tế Liên Xô suy sụp và uy tín nước này bị suy giảm nặng nề trên trường quốc tế. Động thái nói trên, kèm việc Gorbachev tuyên bố Liên Xô từ bỏ Học thuyết Brezhnev, không can thiệp vào nội bộ các quốc gia Đông Âu, trở thành những cải cách quan trọng nhất trong chính sách ngoại giao của Gorbachev và là tiền đề cho việc chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Cảm nhận được hiểm họa đánh mất quyền lực, sự độc tôn của ĐCS và vai trò đại cường của Liên Xô trên thế giới trước những cởi mở của Gorbachev, phe cứng rắn trong bộ máy đảng và chính quyền Liên Xô đã ngầm ngầm chống phá ông trong 2 năm cuối của thập niên 80. Đồng thời, những nỗ lực ly khai - hệ quả của quá trình dân chủ hóa - của nhiều nước cộng hòa đã đặt Gorbachev vào tình thế khó xử và cuối cùng, ông vẫn chọn giải pháp níu kéo mô hình Liên bang Xô-viết trên cơ sở những nước cộng hòa độc lập và tự nguyện qua sự đề xuất Hiệp ước Liên bang. Quyết định của Gorbachev không thỏa mãn được phe cấp tiến, và cũng không ngăn chặn được việc một nhóm lãnh đạo bảo thủ trong đảng mở cuộc **đảo chính lật đổ ông** vào tháng 8/1991. Cho dù được giải cứu sau 3 ngày bị quân thúc ở Crimea, nhưng quyền lực của Gorbachev lúc đó đã mất, lời nói của ông không còn trọng lượng, và nước Nga đã về tay người anh hùng Boris Yeltsin. Ý định của Gorbachev nhằm giữ ĐCS Liên Xô và biến cải nó theo con đường dân chủ xã hội theo mô hình Thụy Điển cũng phá sản hoàn toàn sau khi Yeltsin đặt ĐCS ra ngoài vòng pháp luật.

Kinh tế trì trệ nhưng giá trị tự do, dân chủ vẫn còn.

Sự ra đi của Gorbachev khi quyền lực thực tế đã không còn vào ngày 25/12/1991 có thể coi là hợp lý và đối với thế giới, ông đã làm tròn sứ mệnh của mình. Cho dù tại quê hương ông, Gorbachev cho đến giờ vẫn phải nhận nhiều điều tiếng, như kẻ làm tan vỡ đất nước, chôn vùi CNCS và đưa đất nước vào cảnh kinh tế khủng hoảng, nhưng có lẽ những giá trị tự do, dân chủ mà Gorbachev mang lại thì ít ai muốn phủ nhận. Di sản ông để lại cho nước Nga và Đông Âu, những xứ sở mà Gorbachev đóng vai trò không nhỏ trong biến chuyển dân chủ hai thập niên trước, có lẽ phải một thời gian dài nữa chúng ta mới nhìn nhận và đánh giá được một cách toàn diện !

"Liên Xô, với Gorbachev, không còn can thiệp vào các nước Đông Âu"

Đối với các nước Đông Âu, thì kể từ 1987, Perestroika mang thông điệp : mỗi Đảng có quyền lựa chọn mô hình phát triển của mình mà không cần sao chép Liên Xô. Từ đó, trong tất cả các chế độ cộng sản, giới lãnh đạo và trí thức tranh luận giữa hai đường lối : cải tổ và bảo thủ Chính là nhằm thoát khỏi sự trì trệ kinh tế và xã hội, mà Gorbachev đã đề ra chủ trương Perestroika năm 1986, sau khi được đề cử vào chức vụ Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Liên Xô. Dường như ông tin tưởng rằng chủ nghĩa cộng sản có thể được cải tổ sâu rộng, với việc chấp nhận một số quy luật thị trường trong lĩnh vực kinh tế và một số thỏa hiệp mang tính dân chủ hoá trong lĩnh vực chính trị.

Đối với các nước Đông Âu, thì kể từ năm 1987, Perestroika mang thông điệp : mỗi Đảng có quyền lựa chọn mô hình phát triển của mình mà không cần sao chép Liên Xô. Từ đó trở đi, trong tất cả các chế độ cộng sản, giới lãnh đạo và trí thức tranh luận giữa hai đường lối : cải tổ và bảo thủ.



Hồng quân Liên Xô trên Quảng trường đỏ

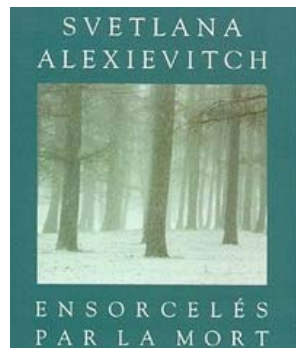
Trong hai năm 1988 và 1989, dường như công luận theo xu hướng cải tổ tại Đông Âu biểu dương Gorbachev. Bằng chứng là tháng 10 năm 1989, Gorbachev được đông đảo dân Đông Đức hoan hô với khẩu hiệu "Gorbi! Gorbi!", trong khi lãnh đạo của họ là Honecker thì bị chê trách. Vào thời điểm đó, đã rõ ràng là Maxcova không còn can thiệp vào công việc nội bộ của Ba Lan, nơi một chính quyền không cộng sản đã thành hình, hay là Hungari, nơi mà Đảng Cộng Sản cũng đã từ bỏ vai trò lãnh đạo. Thế nhưng, điều chắc chắn là Gorbachev đã không đảo ngược được xu thế sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản. Ông đã chầm ngòi vào những biến động lịch sử nhanh chóng phá vỡ bức tường Bá Linh năm 1989 và dẫn đến sự tan rã của Liên Xô hai năm sau đó.

Phần IV. Ngòi bút nhỏ máu của Svetlana Alexievitch (1) : "Những kẻ bị mê hoặc vào cõi chết"

Cách nay 20 năm, sự kiện bức tường Berlin sụp đổ, đã đánh dấu ngày tàn của chủ nghĩa cộng sản Đông Âu. Hai năm sau, đến lượt Liên Xô tan vỡ. Chế độ cộng sản sụp đổ, kèm theo các đảo lộn trong thời kỳ hậu Xô Viết, đã tạo ra chấn thương tâm lý nặng nề trong xã hội Nga, đẩy nhiều người vào con đường tự sát. Trong tập ký sự "Những kẻ bị mê hoặc vào cõi chết", qua những trường hợp cụ thể, nữ văn sĩ Belarus Svetlana Alexievitch đã chẩn đoán căn nguyên của các hành động tuyệt vọng : tâm trạng đau đớn của những người cảm thấy mình bị đánh lừa.

« Một thời đại đã đi qua, thời đại của những lời nói dối tuyệt vời », nhà văn người Belarus Svetlana Alexievitch đã viết như vậy trong lời mở đầu tác phẩm *Ensorcelés par la mort – Những kẻ bị mê hoặc vào cõi chết*. Quyển sách này tập hợp chân dung của 14 nhân vật có thật. Đặc điểm chung của các nhân vật này là họ đã tự vẫn, có khi tự vẫn hụt, nhưng tất cả đều đã thành người thiên cổ.

Svetlana Alexievitch đã điều tra, tìm gặp những kẻ sống sót hoặc những người thân của kẻ quá cố. Mỗi người một hoàn cảnh, nhưng tất cả đều chia sẻ tâm trạng hoài niệm chế độ Xô Viết. Chế độ này từ khi tan vỡ năm 1991 đã biến họ thành những kẻ lạc loài, những người vô căn cước, không bản sắc, những đồ thừa, những thành phần phế thải.



Động cơ khiến cho Svetlana Alexievitch tìm hiểu về làn sóng tự tử ở Nga trong thời kỳ hậu Xô Viết là một mẩu tin đăng trên nhật báo Đức Frankfurter Rundschau với tựa *Số người tự tử ở Nga gia tăng*. Báo này viết ngày 28/03/1992 rằng năm 1991, 60.000 người Nga đã tự kết liễu đời mình, như vậy là so với năm trước, đã có thêm 20.000 trường hợp. Ông Guennady Ossipov, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học Chính trị và Xã hội tuyên bố : « Nước Nga đứng trên bờ vực thẳm, một triệu người Nga đã toan tự vẫn và 20% dân số, tức là 1/5 của dân tộc này, mơ tưởng được xuất cảnh định cư ở nước ngoài ».

Hình bìa ấn bản tiếng Pháp của tác phẩm "Những kẻ bị mê hoặc vào cõi chết"

Từ xưa đến nay, hành động tự sát là hiện tượng cá nhân thời nào cũng có, cộng đồng nào cũng có. Các nhà xã hội học chứng minh, đôi lúc trong lịch sử, tự sát là hành động tập thể, một hiện tượng xã hội. Điều này lâu lâu xuất hiện ở Tây Âu trong các giáo phái sống cách ly. Nhưng trong trường hợp nước Nga hậu Xô Viết,

Svetlana Alexievitch, qua tác phẩm gom góp chứng từ của 14 kẻ bạc mệnh, đã mô tả hành động tự sát của người Nga là một hiện tượng chính trị.

Nỗi tuyệt vọng vì cảm thấy bị đánh lừa

Ý nghĩa của sự việc này thật đơn giản. Phát hiện ra họ đã bị một huyền thoại đánh lừa, huyền thoại mà họ đã góp công góp sức dựng lên bằng đức độ hy sinh và mù quáng, nhiều người Nga không thể chịu đựng nỗi cú sốc này. Sau đây là một số trường hợp tiêu biểu.

Đầu tiên hết là sinh viên Ivan Ivachovest, 33 tuổi, vừa hoàn thành xong luận án tiến sĩ về chủ nghĩa «Marx và tôn giáo». Cái chết của anh có thể xem là số phận nhà trí thức hoài nghi tuyệt vọng khi nhận thức ra rằng chân lý của chủ nghĩa Marx toàn điều huyền hoặc. Một người bạn sinh viên học triết, Vladimir Stanokevich cùng ở nội trú với Ivan kể lại rằng :

« Bạn ấy đã muốn ra đi một cách kín đáo, hẳn là như vậy. Lúc đó vào buổi xế chiều, trời đã chạng vạng tối, nhưng nhiều sinh viên trong tòa nhà nội trú bên cạnh đã nhìn thấy bạn tôi nhảy lầu tự tử. Trước đó, bạn ấy đã mở toang cửa sổ. Bạn ấy đã trèo ra ngoài đứng trên cái gờ cửa sổ và nhìn xuống đất một hồi lâu, rồi quay lưng vào khoảng không, nhảy bồng như muốn bay lên không trung từ tầng 11. Ở dưới, một người đàn bà đang dẫn đứa con nhỏ đi ngang qua. Cậu bé ngược nhìn lên và kêu :

- Mẹ, mẹ, nhìn kia, ông ta muốn làm con chim bay lên trời.

Hôm trước, tôi còn gặp bạn ấy ngoài hành lang. Anh nói : « Mình có chuyện muốn nói với cậu, nhớ sang chỗ tớ nhé ». Tớ hôm ấy, tớ đến gõ cửa phòng bạn, anh nhất định không mở. Tớ ở phòng bên cạnh nên tớ nghe bạn ấy ở trong phòng, đi đi lại lại như một con thú bị nhốt trong chuồng. Tớ tự bảo, thôi, ngày mai mình lại cố tạt sang lần nữa. Thế nhưng, ngày hôm sau, tớ phải cùng với anh công an khu phố vào căn phòng này khi bạn tôi không còn nữa. Anh công an hỏi :

- Cái này là cái gì ? và chỉ vào tập hồ sơ dày.

Tôi liếc nhìn và nói :

- Đây là bản luận án tiến sĩ của bạn tôi. Ông nhìn mà xem, cái tựa đề ghi rõ chủ nghĩa Marx và tôn giáo.

Tôi thấy tất cả các trang đều bị gạch chéo với dòng chữ đỏ viết thật to ở khắp nơi: ĐỒ DỜM, LÁO TOÉT, NÓI ĐỐI...



Ngày 23/08/1991, bức tượng Lê-nin tại thủ đô Lit Va bị tháo gỡ, dấu hiệu phản ánh sự phân rã của Liên Xô

Kẻ xấu số khác là bà Nathalia Pakovich, 55 tuổi, Giáo sư đại học. Bà có thể được xem là trường hợp phân thân tiêu biểu, vừa là nạn nhân vừa là thủ phạm, không giải hóa được căn bệnh vĩ cuồng và nỗi sợ hãi đã ăn sâu vào tâm hồn Xô Viết từ thời Stalin. Bà giáo sư này thú nhận tâm tưởng của bà là bãi chiến trường giằng co xung đột giữa ba con người khác nhau.

Đầu tiên hết là một cô bé yêu Stalin một cách tuyệt đối. Cô bé này lớn lên vào đại học, gây kinh hoàng cho mọi người xung quanh vì cô tố giác tất cả những ai dám phê bình chỉ trích chế độ. Thứ nhì là một thiếu phụ đã biết yêu, đã lấy chồng, thế nhưng cặp vợ chồng luôn luôn sống trong nỗi sợ hãi, trong nỗi ám ảnh bị bắt, bị đày ải, bị thủ tiêu. Trong nhiều năm tháng, cả hai người đều mang trong mình chất độc arsenic để có thể tự vẫn ngay tức khắc nếu bị lọt vào tay công an chính trị. Con

người thứ ba là người đàn bà góa bụa luống tuổi hiện nay. Bệnh nhân sống trong nhà thương tâm thần đã hiểu rằng chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát xít trong thực chất không khác biệt nhau lắm. Đó là nỗi đau của kẻ đã thoát khỏi nhà tù ý thức hệ nhưng đã quá muộn.

Tuy vậy, bà không thể quên lúc huy hoàng của thời điểm lòng tin chiến thắng thử thách trong những năm tháng tan băng dưới thời Khrouchev.

Chúng tôi, những đứa con của thời điểm tan băng. Ngày nay đức tính tạo bạo của chúng tôi không còn giống như ngày xưa nữa, chân lý của chúng tôi không còn là chân lý nữa. Ngày xưa chúng tôi ngây thơ biết bao. Chúng tôi cho rằng Lê-nin là người tốt và Stalin mới là kẻ xấu, chúng tôi sẽ xây dựng một chủ nghĩa cộng sản mang bộ mặt nhân bản, chúng tôi không mấy may hoài nghi ý tưởng này. Dường như không gì lay chuyển được nó, nó vĩnh viễn tồn tại như bầu trời. Chúng tôi là đội quân đi tiên phong. Một mẻ kim loại đang được nấu chảy trong chiếc lò nung khổng lồ. Do đó tôi đã rời Leningrad trước những lời trách móc của bạn bè - Mày ngu xuẩn thật, mày sẽ hối tiếc, mọi người đều mơ ước được sống ở đây. Để được như vậy người ta phải chạy chọt đủ mọi cách, kể cả phải làm đám cưới giả, vậy mà mày lại ra đi, để đi đến nơi đâu ? -

Đến Minsk, các giáo sư của tôi gọi Minsk là thành phố xã hội chủ nghĩa nhất. Tôi gửi trả chìa khóa căn hộ ở Leningrad cho cơ quan phụ trách vấn đề nhà ở. Lúc ấy tôi hạnh diện với chính mình. Trong tôi là nhu cầu được hy sinh, được tôn thờ một cái gì đó. Nhu cầu này luân lưu trong dòng máu của tôi. Phải là Freud mới giải thích được nhu cầu đó, có thể nhu cầu này phát sinh từ tinh thần nô lệ hay từ sự yêu chuộng cái chết được xem là mục tiêu tối thượng, hay cũng có thể nhu cầu nói trên phát sinh từ sự yêu thích cái nghèo, sự yêu thích lối sống khổ hạnh.



Chiến công của những người này trong thế chiến thứ hai ngày nay còn ai ghi nhớ ?
(Ảnh : lefigaro.fr)

Đáng thương nhất là những người già đã từng oanh liệt một thời. Chiến công hiển hách của họ từ nội chiến đến thế chiến, nay bị ném xuống bùn đen. Huân chương rực rỡ của họ là nghịch lý trên người xã hội mới. Có ông già kể lại một bọn du côn đã túm lấy ông, đánh một trận như từ khi chúng thấy các huy chương lấp lánh ông vẫn đeo trên ngực. Chúng còn nguyên rủa : « nếu ngày xưa mày bớt hiếu chiến thì ngày nay bọn tao đã được no nê ngồi uống bia ngoại ». Một người giấu tên, đảng viên đảng cộng sản từ 1920, nay 87 tuổi, đã tâm sự giữa hai lần tự tử (lần thứ nhì ông thành công) : Cuộc đời của ông nhập với cách mạng, hết theo Lê-nin rồi đến Stalin, rồi Khroustchev. Ông vào tù, ra tội, bị xử oan, bị lưu đầy ra Gulag, nhưng vẫn tuyệt đối tin vào đảng cộng sản. Gia đình tan nát, người vợ cũng bị lưu đầy và bỏ mạng, đưa con trai từ lúc bé cũng bị đưa cho một gia đình vô danh nuôi nấng. Phải đợi đến chiến công của ông trong Đệ nhị thế chiến thì người ta mới phục hồi danh dự và trả lại thẻ đảng cho ông :

Người ta đã phục hồi danh dự cho tôi vào năm 1945 khi tôi trở về từ cuộc chiến. Khi ấy tôi bị thương và được tặng thưởng đầy huy chương vì đã tham gia vào cuộc tấn công đánh chiếm Berlin. Tôi được gọi đến chi bộ và tại đây người ta đã trả lại thẻ đảng cho tôi và nói rằng :

- Rủi thay vợ ông không thể trở về đoàn tụ với ông được bởi vì bà ấy đã mất, nhưng chúng tôi phục hồi danh dự cho ông.

Ôi ! bạn có tưởng tượng là tôi vui sướng đến nhường nào không. Dĩ nhiên là ngày nay, có lẽ tôi không nên thú nhận những điều như vậy thế nhưng những giây phút kể trên là lúc tôi hạnh phúc nhất trên đời. Bởi lẽ trước đây chúng tôi đặt đảng lên trên tất cả, trên cả tình yêu, trên cả cuộc sống của chính mình. Chúng tôi xem việc hy sinh tính mạng cho đảng là một vinh dự và tất cả mọi người đều sẵn sàng làm việc này. Tương lai chúng tôi phải huy hoàng, nhưng phải lấy cái chết và sự hy sinh để đổi lấy cái tương lai này. Người ta có thể bắt buộc tất cả mọi người trong chúng tôi phải hy sinh, hy sinh bất cứ lúc nào. Cả ngàn người đã chết xung quanh chúng tôi, việc này đã quá quen thuộc. Vợ tôi cũng đã mất và tôi, tôi cũng có thể chết. Tại sao tôi có thể vui sướng khi vợ tôi đã qua đời.

Không, bạn đừng xin lỗi bởi vì những câu hỏi của bạn không làm tôi phật ý đâu. Trái lại, một lần nữa, những câu hỏi này chứng tỏ tôi đến từ một thế giới khác, một hành tinh khác, cũng có thể từ một hành tinh không còn hiện hữu nữa. Hành tinh này có những quy luật riêng của nó, có lẽ chính vì thế mà chúng tôi đã yêu cái chết. Vâng, chúng tôi đã yêu cái chết. Tôi hiểu ra điều này cách đây không lâu vào một đêm thức trắng...

Tác phẩm « Những kẻ bị mê hoặc vào cõi chết » là bài kinh cầu siêu bên mồ chôn tập thể mang tên Chủ nghĩa Cộng sản. Svetlana Alexievitch đã hoàn thành một bản đồng ca được phối âm cho 14 giọng hát về những thất thủ của những người từng chót tin tưởng vững chắc họ là điểm tựa của lịch sử.

Nhưng điều dữ dội nhất là tính trung thực của tập ký sự này, trong bản điều tra này, là Svetlana Alexievitch đã ghi lại những điều ngày nay tại Nga, không ai còn màng đến nữa. Người ta muốn quên đi vì thẹn thùng vì mặc cảm. Svetlana đã gọi lại tất cả những mất mát với mục đích đơn giản - bó buộc con người ta soi gương tự vấn và sám hối - Bà nói : « dù là ác quỷ nó cũng cần phải được trao một tấm gương, bằng không nó tưởng rằng nó vô hình ».

Phần V: Ngòi bút nhỏ máu của Svetlana Alexievitch (2) : "Những quan tài kẽm"

Trong tác phẩm "Những quan tài kẽm", xuất bản năm 1990, Svetlana Alexievitch đã tập hợp lời tường thuật của hàng trăm chứng nhân gồm cựu chiến binh Afghanistan và những người thân của họ. Nhà văn đã đan chéo số phận của họ, qua đó đã phác họa quy mô tấn bi kịch tập thể mà cả người đã chết lẫn người sống sót vẫn dò tìm ý nghĩa. Sự can thiệp của Matxcova vào Afghanistan kéo dài 10 năm, đánh dấu cuộc phiêu lưu quân sự cuối cùng của đế chế Xô Viết. Sau Budapest 1956, Praha 1968, người lính Xô Viết đã ạt tràn sang

Kaboul từ 1979 đến 1989 để hoàn thành việc mà họ làm tưởng là « nghĩa vụ quốc tế ». Tuy vậy theo lời thổ lộ của một cựu chiến binh trong tác phẩm *Những quan tài kẽm* thì : « cuộc chiến này cũng như cuộc sống của chúng ta ở Liên Xô nó chẳng liên quan gì đến với những điều người ta đã ghi chép qua sách vở ».



Afghanistan, một cuộc chiến tranh ô nhục và gớm ghiếc

Chạm trán với cuộc chiến Afghanistan, người lính Xô Viết đã mau chóng tỉnh ngộ. Di hài hàng chục ngàn thanh niên đã hồi hương trong những bộ quan tài kẽm. Huyền thoại của giải phóng quân Xô Viết dần dà sụp đổ, thay vào đó người dân Nga khám phá thấy bộ mặt gớm ghiếc của một cuộc chiến tranh ô nhục, để rồi đến năm 1989, Liên Xô buộc phải rút hết quân về nước.

Xe thiết giáp Liên Xô trên đường rút khỏi Aghanistan năm 1988
(Nguồn : Wikipedia)

Trong tác phẩm *Những quan tài kẽm* xuất bản năm 1990, Svetlana Alexievitch đã tập hợp lời tường thuật của hàng trăm chứng nhân gồm cựu chiến binh Afghanistan và những người thân của họ. Nhà văn đã đan chéo số phận của họ, qua đó đã phác họa quy mô tấn bi kịch tập thể mà cả người đã chết lẫn người sống sót vẫn dò tìm ý nghĩa.

Có người lính trẻ vẫn không hiểu vì sao nhà nước đã cưỡng ép tân binh sang thẳng Afgnistan mà không cho họ biết trước. Có nữ y tá bàng hoàng nhận thấy chiến trường thiếu thốn đủ mọi thứ, đến cả loại thuốc sát trùng gọi là thuốc đỏ cũng không có nốt. Có những bà mẹ thú nhận đưa con ngoan của họ từ Afghanistan trở về đã biến thành loài thú khát máu đồng loại. Có nữ nhân viên hành chính thân nhiên thú nhận phụ nữ Nga sang Afghanistan để phục vụ tinh dục cho đạo quân viễn chinh đổi lại lấy đồng tiền. Theo lời phụ nữ này, đó mới chính là « *nghĩa vụ quốc tế* ». Còn một cựu chiến binh nhận xét rằng : « Chiến tranh không làm cho người ta cao đẹp hơn, trái lại nó làm cho con người hèn mọn đi. Tôi chẳng còn có thể sống như trước nữa khi đã chứng kiến trong cùng một chuyến, bên cạnh những quan tài kẽm, người ta đã chở những vali đầy ắp áo lông, quần bò, quần lót cho phụ nữ và những gói trà Tàu đến từ Trung Quốc ».

Đau khổ nhất đối với gia đình những người đã khuất là phải chấp nhận tính chất phi nhân của cuộc chiến này. Phải chịu đựng người khác nói rằng hy sinh mất mát của họ hoàn toàn vô nghĩa. Đó là trường hợp sau đây của một góa phụ tên Tamara :

Em đã nhận được bức thư của chồng em. Anh ấy viết em đừng lo lắng nhé. Nếu không nhận được thư anh, em cứ viết thư về địa chỉ cũ. Thế rồi em bất tin chồng trong vòng hai tháng. Em không thể hình dung là anh ấy đang ở Afghanistan. Trong thư, anh không nói cho em biết anh đang đánh trận. Trước khi lên đường ra trận, chồng em không bao giờ chơi đùa với đứa con gái. Anh không biết thế nào là tình cha con, có thể vì lúc ấy đứa bé vẫn còn nhỏ. Nhưng sau này khi về nghỉ phép, anh ấy ngồi hàng giờ nhìn con bé với ánh mắt buồn da diết khiến em phải sợ hãi. Buổi sáng anh dẫn con đến trường mẫu giáo, anh thích cồng nó trên vai, buổi chiều anh đến đón nó về.

Chúng em có đi coi xi nê, đi xem hát nhưng anh ấy thích ở nhà hơn. Chồng em cũng khát khao thêm muốn chuyện chăn gối hơn trước. Anh ấy cho là chúng em phung phí thời gian bên nhau. Một khi em phải đi làm hay



chuẩn bị bữa ăn, anh ấy nói :

- Em hãy ở bên anh thêm một tý nữa, hôm nay chúng mình không cần phải ăn món thịt viên. Lúc này anh được về thăm nhà, em hãy xin cơ quan nghỉ phép nhé ».

Đến khi phải trở về đơn vị, chồng em cố ý đi trễ chuyến bay. Thế là chúng em được ở bên nhau thêm hai ngày nữa. Đêm cuối cùng bên nhau chúng em hạnh phúc biết bao đến nỗi em bật khóc. Em khóc trong khi anh vẫn lặng thinh nhìn em rồi chợt nói:

- Tamara này, một ngày nào đó em đi lấy chồng khác, em cũng đừng quên giây phút này nhé!

Em thốt lên :

- Anh điên rồi ư ? Không, không bao giờ anh chết cả. Em yêu anh vô cùng, tình yêu của em sẽ che chở cho anh.

Chồng em bỗng bật cười. Em đã biết đợi chờ, thế nhưng khi trông thấy một chiếc xe tang bí bùng, em lại cảm thấy lòng mình quặn đau. Em chỉ muốn hét lên thật to và nước mắt chỉ chực tuôn trào, thế rồi em vội vã chạy về nhà, quỳ trước ảnh chúa và cầu khẩn : “Xin ngài hãy cứu lấy chồng con, xin Ngài hãy cứu anh ấy”.

Trục thăng Liên Xô bị bắn hạ tại Afganistan

(Nguồn : Wikipedia)

Có một hôm đi coi xi-nê, em theo dõi cuốn phim mà mắt lại chẳng trông thấy gì cả. Lòng em tràn ngập một nỗi lo khó hiểu, tựa hồ như đang có người chờ em ở đâu đó, như thể em phải đi đến một nơi nào đó. Khó khăn lắm em mới ráng ngồi lại cho hết buổi chiếu. Có lẽ lúc em đang xem phim cũng là lúc chồng em đang đánh trận. Suốt một tuần em không hề hay biết những gì đang xảy ra ở Afghanistan, tuy vậy em nhận được hai lá thư của chồng em. Thường thì trước đây, cứ mỗi lần nhận được thư là lòng em vui rộn rã, em đặt môi hôn lên bức thư, thế mà lần này em nổi giận và tự hỏi mình còn phải đợi anh ấy bao lâu nữa.

Đến ngày thứ 9 lúc 5 giờ sáng. Em nhận được bức điện tín, người ta bỏ nó qua khe cửa. Đây là bức điện tín của bố mẹ chồng em viết rằng : « Đến ngay đi Pechia đã mất ». Đọc xong hàng chữ này, bất giác em thét lên một tiếng. Nghe tiếng la, con gái em thức giấc. Em phải làm gì bây giờ, em phải đi đâu bây giờ, em không có tiền. Em nhớ là em cuốn con em vào tấm mền nhỏ rồi bế con ra khỏi nhà. Khi đó trời hãy còn sớm nên xe bus chưa chạy. Em vẫy một chiếc taxi và bảo tài xế :

- Ông chở tôi ra phi trường.

- Không được tôi phải mang xe về gara.

Nói xong người tài xế đóng cửa xe lại. Em nói :

- Nhưng chồng tôi đã tử trận ở Afghanistan !

Thế là không nói một lời, người tài xế bước xuống và đỡ mẹ con em lên xe. Em phải ghé qua nhà một người bạn trước để mượn tiền. Ra đến phi trường, đã hết vé đi Maxcova, nhưng em không muốn đưa bức điện tín cho nhân viên bán vé xem. Em sợ là người ta đã báo tin nhầm. Bởi vì nếu như em cứ tiếp tục tin là chồng em còn sống, thì biết đâu anh ấy lại chẳng bình an vô sự. Em òa khóc và mọi người đều nhìn em. Cuối cùng các nhân viên phi trường cũng đã cho em lên một chiếc máy bay nhỏ cũ kỹ để đi đến Maxcova.

Đêm hôm sau em đến Minsk. Tại đây không một tài xế taxi nào muốn chở em về nhà bố mẹ chồng em bởi vì đường đi quá xa xôi, bố mẹ chồng em ở cách đó 150 km. Em nài nỉ, cuối cùng một tài xế taxi đã ưng thuận, ông nói :

- Đưa tôi 50 rúp tôi sẽ chở cô đi. Hai tiếng đồng hồ sau em về đến nhà bố mẹ chồng. Tại đây tất cả mọi người đều khóc. Em nói có thể người ta đã báo tin lầm.

- Không đâu Tamara ạ, đúng là Pechia đã mất.

Sáng hôm sau cả nhà cùng đến văn phòng tuyển quân. Ở đó người ta trả lời chúng em vẫn tắt theo kiểu nhà binh : “ khi nào xác anh ấy được mang về đây chúng tôi sẽ thông báo cho thân nhân”. Cả nhà phải đợi thêm hai ngày nữa. Sau đó gia đình nhà chồng em điện thoại đến văn phòng tuyển quân của Minsk và nhận được câu trả lời hãy đến nhận xác anh ấy. Thế là cả nhà lại ra đi. Nhưng khi đến nơi, người ta lại bảo do có sự nhầm lẫn nên xác đã được mang đến Paranovitchi rồi. Paranovitchi ở cách Minsk đến 100 km mà chiếc xe chở cả nhà em lại không đủ xăng. Cuối cùng rồi chúng em cũng đến được Paranovitchi. Lúc ấy chẳng còn nhân viên nào ở phi trường cả bởi vì đã hết giờ làm việc, chỉ còn một nhân viên bảo vệ đứng ở chốt canh. Ông ta chỉ tay và nói :

- Ở đằng kia có một cái hòm, cứ đến xem đã. Nếu đúng là thân nhân của cô thì cô cứ việc mang về.

Quả thực trên đường băng của phi trường có một chiếc hòm bần trên đó có ghi hàng chữ bằng phấn “ Trung úy Dopna”. Em đến giạt miếng ván đậy hòm ra. Đúng là chồng em đây, gương mặt anh ấy còn nguyên vẹn nhưng bần và râu ria lởm chởm. Mùi tử khí bốc lên từ cái quan tài quá chật hẹp so với thân hình anh, vì vậy em không thể nào cúi xuống hôn anh. Người ta đã trả xác chồng em về như thế đó. Em đã quỳ xuống bên cạnh mảnh hình hài mà em yêu thương nhất trên đời.

Quan tài của chồng em là quan tài đầu tiên được đưa về làng Grazin thuộc huyện Starie Doroghi, một huyện của vùng Minsk. Quan tài của chồng em đã được hạ huyệt, nhưng khi những chiếc dây cu-roa vừa được kéo lên thì một cơn giông dữ dội kéo đến. Mưa đá đổ ập xuống những cây tử đinh hương đang mùa ra hoa. Những hạt mưa đá kêu sột soạt dưới bước chân người đi, tựa như người ta dẫm lên đá cuội trắng. Đất trời như phản đối cái chết của chồng em.

Em không thể nào rời khỏi ngôi nhà anh ấy bởi vì linh hồn anh hiện hữu nơi này. Bố anh tựa hồ như người điên, ông hét lên : « một thằng như Pechia mà chúng nó lại đem vào chỗ chết, chính chúng nó đã giết con tôi ». Mẹ anh và em cố giải thích với ông rằng Pechia đã được tặng huân chương, rằng nước Nga cần đến

Afghanistan vì nước Nga phải bảo vệ vùng biên giới phía nam. Nhưng ông bỏ ngoài tai những lời giải thích và lớn giọng chửi : « Bọn khốn nạn ».

Sau khi chôn cất chồng xong, em phải sống qua một thời kỳ khủng khiếp. Nhưng điều khủng khiếp nhất là em phải làm quen với cái ý tưởng : mình không nên chờ đợi nữa, mình không còn ai để đợi chờ nữa. Phải mất một thời gian dài em mới hiểu ra rằng, từ nay em chỉ còn một mình trên đời với Oleska, con gái em. Em chẳng thiết gì đến lễ lạc, tiệc tùng nữa, em cũng không còn lui tới thăm viếng bạn bè nữa. Trong em chỉ còn lại kỷ niệm, những kỷ niệm đẹp nhất. Nhiều năm liền, trong cơn mơ em vẫn thấy lại buổi đầu gặp gỡ. Anh ấy vĩnh viễn ra đi đã được tám năm, vậy mà em vẫn thường chiêm bao thấy anh, trong mơ em luôn van xin anh hãy cưới em một lần nữa. Nhưng lần nào cũng vậy anh xua đuổi em và bảo : « Không, không ! ».

Em vẫn nuối tiếc anh ấy, không phải vì anh ấy chỉ là chồng em, mà anh ấy còn là một người đàn ông thật tuyệt vời, một thân hình cao lớn lực lưỡng. Em tiếc là không có với anh ấy một đứa con trai. Em trở thành thiếu phụ khi mới hai mươi bốn tuổi.

Một tháng đầu sau khi anh ấy mất, em nghĩ là mình có thể ưng thuận bất cứ một người đàn ông nào. Lúc đấy em điên mất rồi, em không biết phải bám víu vào đâu. Quanh em cuộc sống vẫn cứ tiếp tục như trước, người thì xây nhà nghỉ mát hay sắm xe, kẻ thì dọn đến căn hộ mới, cần sắm thêm hay gạch hồng lát bếp... Cuộc sống bình thường của những người quanh em luôn nhắc cho em rằng cuộc sống của chính bản thân mình không bình thường chút nào.

Vào thời Đệ nhị thế chiến, tất cả mọi người đều sống trong bất hạnh, cả đất nước sống trong khổ đau, ai cũng mất đi một người thân và mọi người đều biết rõ vì sao. Thời ấy tất cả phụ nữ đều đồng loạt cất lên tiếng than ai oán. Ngày nay trong trường dạy nấu ăn, nơi em làm việc, có một trăm nữ nhân viên. Em là người duy nhất có chồng bỏ mình trong một cuộc chiến mà những người khác chỉ được biết đến qua báo chí. Lần đầu tiên trên truyền hình, khi nghe thấy người ta giải thích chiến tranh Afghanistan là một cuộc chiến ô nhục thì xuýt nữa em đã đập vỡ tivi rồi. Hôm ấy em có cảm tưởng là chồng em đã chết đi lần thứ hai.

Svetlana Alexievitch viết : « Người Xô Viết chịu số phận của một con bướm bướm bị sa vào đồng vữa bê tông do đó người Xô Viết bị vướng mắc trong vòng luẩn quẩn của những suy nghĩ và hành vi xơ cứng. Với chiến tranh Afghanistan, chất bê tông này bắt đầu rạn nứt ».

Thật vậy hai năm sau khi Maxcova triệt thoái quân đội khỏi Afghanistan, một năm sau khi tác phẩm "Những quan tài kẽm" được xuất bản, Liên Xô không còn nữa. Thế nhưng hậu quả của những « lời nói dối tuyệt vời », dư chấn của những thảm họa vùi lấp quá lâu trong ký ức, vẫn để lại trong tâm hồn Nga nhiều vết thương không lành.

Sau tác phẩm *Những quan tài kẽm*, Svetlana Alexievitch đã tiếp tục lục soát những điều ẩn giấu trong sâu thẳm đáy lòng người Nga. Với tập sách *Những kẻ bị mê hoặc vào cõi chết - 1995* và *Cuộc điều tra về Tchernobyl, chứng từ thế giới sau ngày tận thế - 1997*, sự nghiệp văn học của Svetlana Alexievitch có thể được xem là cố gắng phi thường của một ngòi bút nhỏ máu để đối chiếu tâm hồn Nga với những bộ mặt khác nhau của cái ác đã xuất hiện trong cuộc sống người Xô Viết ở thế kỷ 20.

Phần V. Ngòi bút nhỏ máu của Svetlana Alexievitch (3) : Lời nguyện cầu cho Tchernobyl (La Supplication)

Lần này 88 nạn nhân của biến cố Tchernobyl, 10 năm sau khi nhà máy điện hạt nhân bùng nổ năm 1986, đã mượn ngòi bút của Svetlana Alexievitch để kể lại những câu chuyện có thật được dòng ký ức bảo lưu nhưng thời gian không thể hóa giải, bởi vì những điều họ đã chứng kiến, nỗi đọa trường của những người xưng 'Tôi' ở đây không thể nói thành lời. Không ai có thể lý giải, đa số trong họ vẫn còn mang chứng tích của một thảm họa mà cho đến nay người ta vẫn tìm mọi cách để phủ lên một bức màn im lặng. Còn họ, họ muốn hiểu vì sao mây không còn là mây mà là một đám bụi phóng xạ bay tỏa sang khắp nơi. Họ muốn biết vì sao đất không còn là đất mà là nghĩa trang, người ta phải cày xới lên để chôn vùi nhà cửa làng mạc mùa màng bị nhiễm độc. Họ không thể lý giải vì sao con người, muông thú, cỏ cây, rừng núi, non nước, tất cả một sớm một chiều biến thành chất độc vô hình hủy diệt sự sống.

Nhân vật kể chuyện đầu tiên sau đây là thiếu phụ tên Luxia. Chồng cô thuộc đội lính cứu hỏa, mặc áo sơ mi, đã chạy lên nóc nhà máy điện hạt nhân để chữa cháy. Vài ngày sau đó trong lúc người chồng hấp hối, người ta đã nói với cô vợ trẻ - Cô phải nhớ người chồng yêu quý của cô không còn nữa, thay vào đó trước mặt cô chỉ là một vật thể nhiễm phóng xạ:

Chúng em vừa mới cưới nhau. Khi đi trên phố chúng em vẫn nắm tay nhau và cả những lúc đi cửa hàng. Em nói với anh ấy, em rất yêu anh, thế nhưng lúc đó em vẫn chưa hiểu là em đã yêu anh ấy đến nhường nào, em chưa có ý niệm rõ ràng. Chúng em ở trong doanh trại lính cứu hỏa, nơi anh ấy làm việc. Chúng em ở tầng một cùng với ba gia đình trẻ khác, tất cả các hộ dùng chung bếp. Xe cứu hỏa thì ở phía dưới tầng trệt, những chiếc xe sơn màu đỏ. Chồng em là lính cứu hỏa mà lúc nào em cũng biết chồng em ở đâu và làm những cái gì. Vào lúc nửa đêm em nghe thấy một tiếng động lớn, em ngó ra cửa sổ, anh ấy nhìn thấy em và nói :

- Em đóng cửa sổ vào và đi ngủ đi, có cháy ở nhà máy điện, anh sẽ về ngay.

Em không nghe thấy tiếng nổ và chỉ nhìn thấy lửa bốc cháy, tất cả dường như rực sáng, sáng cả trời lửa cháy bốc cao, tàn khói bay, nóng kinh khủng. Vẫn không thấy chồng em quay trở lại. Tàn khói là do nhựa đường cháy mà, nóc nhà máy điện có phủ một lớp nhựa đường. Về sau chồng em kể lại rằng những người lính cứu hỏa đã giẫm chân lên trên đó như đi trên hắc ín. Các anh ấy dập tắt được đám cháy rồi lấy chân đá những miếng than chì nóng bỏng xuống phía dưới. Các anh ấy đi chữa cháy mà ăn mặc như lúc bình thường, tức là mặc sơ mi không có quần áo bảo hộ. Chẳng có ai nhắc nhở báo trước gì cả. Người ta gọi các anh như đến dập một đám cháy bình thường. Khi anh ấy về, em nhìn thấy chồng em mặt sưng rộp tấy phỏng lên, chỉ còn thấy lờ mờ hai con mắt anh ấy.

Nhiều bác sĩ, y tá và nhất là các hộ lý của bệnh viện sau này đã bị ngã bệnh rồi chết, thế nhưng chẳng ai biết đến việc này cả. Các bác sĩ nhắc đi nhắc lại rằng những người lính cứu hỏa đã bị ngộ độc hơi gaz, chẳng có ai nói là họ bị nhiễm phóng xạ cả. Trong lúc đó, xe quân đội kéo đến đầy thành phố. Tất cả các ngã phố bị chặn hàng rào, trong toàn khu vực và trên các tuyến giao thông chính xe lửa không chạy nữa. Đài phát thanh thông báo là người dân trong thành phố sẽ phải đi sơ tán, có thể trong vòng ba đến năm ngày. Hãy mang theo cuộn áo ấm, quần áo thể thao, mọi người sẽ vào rừng sống ở trong các lều trại.

Buổi tối em nôn mửa, em đang có thai sáu tháng và cảm thấy mệt mỏi. Trong đêm em mơ thấy anh ấy gọi em, lúc chồng em còn sống, khi ngủ mê em thấy anh ấy gọi em : Luxia...Luxianka. Thế nhưng kể từ khi chồng em chết, em ngủ mê anh ấy không một lần nào gọi em nữa, không một lần nào cả. Chồng em đã biến đổi, cứ như mỗi ngày em gặp một người khác... Các vết bỏng ngày càng xuất hiện nhiều, ở cả trong mồm trên lưỡi trên má, lúc đầu chỉ là những vết loét lờ nhỏ nhỏ sau đó nó lan rộng ra. Các lớp vẩy khô cứng bong ra trông như những mảng phim. Sắc mặt, cả người anh ấy là những màu xanh, màu đỏ, màu xám nâu.

Tất cả những gì của anh ấy đều thuộc về em, em đã yêu quý biết nhường nào. Cái đó không thể kể ra được, không thể viết ra được. Em yêu chồng em nhưng em vẫn chưa biết là em yêu anh ấy đến thế. Chúng em vừa mới cưới, chúng em đi dạo chơi trên phố, anh ấy cầm lấy hai tay quay bồng em lên, thế rồi anh ấy ôm ghi lấy em và hôn em, mọi người đi qua và tất cả đều mỉm cười.

Theo chuẩn đoán, cơn đau dữ dội do bị nhiễm phóng xạ kéo dài trong 14 ngày và người bệnh cũng chết dần chết mòn. Trong mười bốn ngày ấy da cánh tay và cẳng chân rạn nứt đầy những vết phỏng rộp. Khi anh ấy lúc lắc đầu, những túm tóc dính bết trên tai. Em định nói đùa : tiệt thật chẳng cần đến lược chải đầu nữa. Sau đó ít lâu người ta cạo trọc đầu bệnh nhân. Em tự cắt tóc cho chồng, em muốn làm tất cả những gì cần thiết cho anh ấy. Nếu như thể trạng em khỏe mạnh thì em đã ở cạnh anh ấy 24 giờ mỗi ngày.

Em nuối tiếc từng phút trôi qua, tiếc rẻ từng phút một. Người ta liên tục tiêm thuốc cho anh ấy ngủ, toàn là các loại thuốc ma túy. Còn em em sẵn sàng làm bất cứ việc gì để cho anh ấy đừng nghĩ đến cái chết, để chồng em không nghĩ rằng bệnh của anh ấy thật khủng khiếp.

Em lo sợ cho anh ấy. Những mẫu đối thoại loáng thoáng tái hiện trong trí nhớ em. Một người nào đó động viên em : Đừng quên rằng đây không còn là người chồng yêu quý của cô nữa, trước mặt cô là một vật thể phóng xạ có mức độ lây nhiễm cao. Cô không phải là kẻ muốn tự tử, hãy tự lo cho bản thân cô đi. Còn em thì gào thét như con điên, tôi yêu anh ấy.... tôi yêu anh ấy. Khi chồng em ngủ, em thì thâm vào tai anh... em yêu anh lắm ! Khi đi trong hành lang bệnh viện, em lẩm bầm em yêu anh lắm !

Những lúc em ở bên cạnh, chẳng có gì xảy ra đối với anh ấy cả, thế nhưng khi em vừa vắng mặt thì người ta lại mang anh ấy đi chụp phim, trên người không mảnh quần áo nào, lúc ngủ cũng vậy chỉ đắp chòang một tấm vải mỏng nhẹ mà em vẫn thay hàng ngày. Buổi tối tấm vải đầy vết máu. Khi em nâng anh ấy lên, những mảng da dính lại trên tay em. Em bảo chồng -Anh yêu ơi giúp em với, anh tự chống tay nâng lên đi, dùng cùi tay để em vuốt nệm cho phẳng không có vết gập và đừng gờ may. Bởi vì chỉ một đường gờ may cũng làm anh ấy bị rách da.

Người ta chụp ảnh. Họ nói rằng để nghiên cứu khoa học. Lẽ ra em nên đuổi họ đi, em phải đánh cho họ một trận. Làm sao họ lại có thể làm như vậy. Tất cả những gì của anh ấy là của em, rả yêu quý của em. Giá như em có thể ngăn không cho họ vào phòng, giá như em có thể. Em từ trong phòng ra hành lang, em va vào

tường vấp phải chiếc ghế dài mà em không nhìn thấy. Em nói với cô y tá trực, anh ấy đang hấp hối. Cô ấy đáp lại :

- Chị muốn mơ tưởng gì nữa ? Anh ấy bị nhiễm 1600 đơn vị, trong khi chỉ cần nhiễm 400 đơn vị thì đã chết rồi. Chị đang đứng cạnh một cái lò phản ứng hạt nhân đấy.

Trước hôm xảy ra vụ nổ, những người ở cùng khu nhà chụp ảnh chung với chúng em. Các ông chồng rất đẹp trai, tươi vui. Ngày cuối cùng trước khi xảy ra vụ nổ, chúng em rất hạnh phúc.

Những câu nói cuối cùng của anh ấy là : Luxianka... Luxianka. Em không rời chồng em nữa, em đi cùng anh ấy cho đến khi người ta đưa anh ấy vào quan tài. Em nhớ là không phải quan tài mà là một chiếc túi nhựa lớn... một chiếc túi nhựa. Thân hình chồng em lúc đó chỉ còn như là một vết thương lớn.

Hai ngày cuối cùng ở bệnh viện, em nâng tay chồng em lên, xương tay anh ấy lục khục và các mảng da thịt đã long ra. Những mảnh vụn của phổi của gan trào ra từ miệng anh ấy. Anh ấy bị sặc, ngạt vì chính các bộ phận trong cơ thể. Em cuốn vào tay một mảnh vải và thọc vào miệng để moi những thứ ấy ra. Không thể kể được hết những điều ấy. Không thể viết hết ra được, lúc ấy em mới 23 tuổi....

Vừa rồi là trích đoạn phần tường thuật của Luxia. Luxia còn cho biết thêm đưa con của bà từ lúc lọt lòng cho đến nay phải dành nửa thời gian để nằm bệnh viện. Có lẽ bởi vì Luxia đã quá săn sóc người chồng cũ và bà đã bị nhiễm bệnh từ lâu mà không biết.

Thảm họa Tchernobyl bắt đầu ngày 25 tháng tư năm 1986 khi các nhân viên trung tâm nguyên tử này của Ucraina chuẩn bị cho công việc bảo trì lò phản ứng số bốn. Nhưng Ê-kíp này không được thông tin đầy đủ về những rủi ro trong hành động của họ.

Tai nạn xảy ra vào lúc 1 giờ 24 ngày 26/4. Họ nhấn nút ngừng khẩn cấp sau khi thấy điều khả nghi nhưng đã quá muộn. Hai vụ nổ liên tiếp đã phá hủy phần trung tâm lò. Chất Uranium bị cháy gây ra một phản ứng nguyên tử không kiểm soát được đã nhắc bằng một tấm lót bằng bê tông nặng đến 2 nghìn tấn đặt trên lò phản ứng. Rồi đám cháy xảy ra kéo dài cho đến ngày 5/ 5. Ngay lập tức lính cứu hỏa đã cố gắng dập đám cháy. Nhưng tất cả đã bị nhiễm phóng xạ. Độ phóng xạ tăng vọt, lò phản ứng bị phá hủy đã phun ra tất cả các loại đồng vị phóng xạ thâm nhập vào lục phủ ngũ tạng con người. Giám đốc trung tâm Ryukhanop gọi điện cho Matxcova thông báo có tai nạn tại Tchernobyl nhưng ông lại nói lò phản ứng không bị hư hao.

Sáng ngày 26/4 trẻ em trong khu vực đi học như thường lệ. Mọi người chuẩn bị mừng lễ lao động 1/5. Dân cư chỉ biết tai nạn xảy ra thông qua một tuyên bố chính thức của giám đốc Trung tâm Tchernobyl xác nhận là tình hình nhiễm phóng xạ không đáng lo ngại. Lò phản ứng trong lúc đó tiếp tục cháy, các bụi phóng xạ cứ tiếp tục được tung lên bầu trời trong cả 10 ngày cho đến khi người ta lắp được lỗ hồng của lò phản ứng. Trong tập sách Lời nguyện cầu, một chứng nhân quan trọng khác là vị Viện trưởng Viện năng lượng hạt nhân Belarus, nước sát cạnh với Ucraina. Ngay từ ngày 26/4 khi ở Matxcova ông ta đã điện thoại liên tục đòi gặp ông Sliunkop, Bí thư thứ nhất thuộc Ban chấp hành Belarus để báo động. Trong ba ngày, người ta không thèm trả lời ông. Ba ngày sau khi về Minsk, ông tìm đến văn phòng của Sliunkop, ông kể lại :

Ngày 29/4 tôi nhớ chính xác như vậy, 8 giờ sáng tôi đã ngồi đợi bên ngoài văn phòng Sliunkop. Cho dù tôi cố gắng nài nỉ nhưng chẳng có ai tiếp tôi cả. Đến lúc 5 giờ rưỡi chiều có một nhà thơ nổi tiếng của Belarus từ văn phòng của Sliunkop đi ra, chúng tôi quen biết nhau, anh nói :

- Mình với đồng chí Sliunkop trao đổi về những vấn đề văn hóa Belarus Tôi tức giận nói:

- Nhưng sắp tới sẽ chẳng còn ai để phát triển cái văn hóa đó nữa đâu. Sẽ không còn độc giả đọc thơ văn của các ông nữa nếu như chúng ta không khẩn cấp sơ tán mọi người ra khỏi khu vực quanh Tchernobyl, nếu như chúng ta không cứu họ

Nhà thơ nói :

- Đây ông nói gì đấy, người ta bảo với mình là đã dập tắt được đám cháy rồi cơ mà.

Cuối cùng thì tôi cũng vào gặp được Sliunkop và miêu tả lại cho ông ta những gì tôi đã thấy hôm trước. Cần phải cứu tất cả những người dân, hàng ngàn tấn Xezium, lốt chì, Zirconium, Catminium, Berilium , Boric và một khối lượng vô kể chất Plutonium Trong các lò phản ứng loại BRMK chạy bằng Uranium graphit như ở Tchernobyl người ta làm giàu chất Plutonium để dùng vào việc chế tạo bom nguyên tử. Tất cả các chất độc phóng xạ đó đã rơi vãi xuống đất nước tôi. Tổng cộng có đến 450 loại bụi phóng xạ với khối lượng tương đương 350 quả bom nguyên tử thả xuống Hiroshima. Lúc này cần phải nói dưới góc độ khoa học vật lý và các định luật vật lý thế nhưng các vị lãnh đạo lại chỉ nói đến kẻ địch họ tìm kiếm, họ tìm kiếm truy lùng kẻ địch.

Sliunkov hỏi tôi :

- Tại sao cá nhân viên phóng xạ trong viện của ông lại bỏ tẩu đi khắp nơi trong thành phố làm cho mọi người hoảng sợ ? Tôi đã tham khảo viện sĩ Hàn lâm Yline ở Matxcowva, theo các nhóm nghiên cứu của viện thì ở

đây tình hình vẫn bình thường. Làm thế nào bây giờ nhỉ ? Tất cả nhà vật lý nào cũng dám dạy khôn Ban chấp hành Trung ương ư ?

Không, các vị lãnh đạo không phải là những kẻ phạm tội ác họ chỉ là những kẻ mu muội mà thôi, một sự kết hợp giữa rết nát và tư tưởng bè phái đẳng cấp. Nguyên tắc sống của họ từ lúc còn ở trường học cho đến lúc nằm bên trong guồng máy lãnh đạo đó là vo tròn không bao giờ thò mũi ra ngoài cả. Người ta đang chuẩn bị để bịt Sliunkovv vào một chức vụ quan trọng hơn ở Matxcova.

Tất cả là như vậy, tôi cho rằng chắc là Sliunkov đã nhận được một cú điện thoại từ Kremlin của Gorbachev - « tuyệt đối đừng gây chấn động, reo rắc kinh hoàng, đã có nhiều chuyện âm ỉ ở phương tây về việc này rồi.. »- Luật chơi rất đơn giản. Nếu anh không đáp ứng những đòi hỏi của cấp trên thì anh sẽ không được thăng quan tiến chức, anh sẽ không được đi nghỉ trong những khu vực ưu tiên dành cho lãnh đạo, không được ở biệt thự như anh muốn. Nếu như chúng tôi đã sống trong một chế độ khép kín đằng sau bức màn sắt thì mọi người dường như lại ở sát ngay bên cạnh nhà máy điện nguyên tử. Có thể người ta sẽ lập ra ở đó một vùng bí mật giống như ở Kitchim hay Kemibantinsk. Chúng tôi sống trong một đất nước theo mô hình Stalin, cho đến nay nó vẫn theo tư tưởng Stalin.

Một vụ thử nghiệm không được chuẩn bị đầy đủ đã dẫn đến tai họa. Tai nạn Tchernobyl ngày nay được quy cho hai nguyên nhân chính là thiết kế sai lò phản ứng và người điều khiển thiếu khuyết không đủ năng lực. Theo từ điển Bách khoa Encyclopedia Universalist thì thiết kế sai tức là không chú trọng đến sự an toàn và các nguy cơ có thể xảy ra với lò phản ứng kiểu này. Cuối cùng là thiếu nghiên cứu về yếu tố con người và những phản ứng có thể diễn ra của người điều khiển máy. Thiết kế sai cũng gồm cả không hiểu biết về mặt an toàn mà chỉ chú trọng đến sản xuất.

Cần nói thêm là vào năm 1986 khi xảy ra tai nạn cũng là thời điểm ở Liên Xô ở Liên Xô cùng với ông Gorbachov người ta hô hào Glasnot tức là làm « trong sáng », tuy nhiên một nữ giáo sư trong tác phẩm Lời nguyện cầu đã thổ lộ như sau :

1986 chúng ta là ai ? Chúng ta đã hành xử thế nào trong cơn đại hồng thủy được tân trang theo kỹ thuật hiện đại. Tôi, chúng ta, cả thành phần ưu tú địa phương, chúng tôi hợp thành một nhóm nhỏ, chúng tôi sống trong một thế giới riêng, tách biệt khỏi môi trường ở bên ngoài, rồi chúng tôi hoài nhớ... Hoài nhớ cái gì ? Hoài nhớ tự do. Cái thế giới bên kia khác lạ, có thể đó là một hình thái của tự do. Nhưng đó cũng là một cách đùa, một kiểu chạy trốn trước thực tại. Chúng tôi sống như vậy trong cái cõi đầy hoang tưởng. Rồi xảy ra Tchernobyl, thoát đầu ai cũng nghĩ giống nhau « chuyện này chẳng liên hệ gì đến mình, nhà nước phải lo liệu. Đó là chức năng của họ ». Vả lại Tchernobyl ở các xa đây nhiều, chúng tôi cũng chẳng buồn lấy bản đồ ra xem lại. Chúng tôi chẳng thêm để ý. Chúng tôi đã không còn nhu cầu tìm hiểu sự thật. Cho đến khi nhãn hiệu « Sửa cho người lớn- Sửa cho trẻ con » xuất hiện thì chúng tôi mới có cảm giác một điều gì đó đang chập chờn vờn quanh mình. Đã đành tôi không phải là đảng viên nhưng dù sao đi nữa tôi vẫn là người Xô Viết. Tôi bỗng cảm thấy sợ chẳng biết vì lẽ gì mà lá cây củ cải Radi năm ấy lại to như lá củ cải đường. Nhưng buổi tối xem truyền hình người ta lại nói : đừng nghe theo những lời tuyên truyền. Thế là mọi người lại dẹp sang một bên những hoài nghi của mình. Ngày nay khi ngồi nhớ lại mọi chuyện tôi tự hỏi từ lúc nào thì sợ chỉ đồ đã bị đứt ngang. Thực ra nó đã bị đứt ngay từ thuở đầu vì không có tự do. Chúng tôi không còn nhu cầu được tự do.

Bi kịch lớn sinh ra tác phẩm lớn. Tác giả, sau khi điều tra ba năm rông ở các vùng bị nhiễm phóng xạ, cũng đã mắc phải căn bệnh ung thư. Lời nguyện cầu được xuất bản 11 năm sau biến cố Tchernobyl nhưng vẫn gây ra những tranh cãi gay gắt. Svetlana Alexievitch bị bôi nhọ, bà bị đe dọa đến tính mạng nhưng nhiều nhà khoa học lên tiếng bảo vệ cho bà, cho một tác phẩm duy nhất mà theo họ, cho phép tìm hiểu tai họa hạt nhân đã hóa kiếp thế nào cả một cõi nhân gian.

Sau Tchernobyl, nhiều quốc gia tiến tiến đã lên kế hoạch giải thể các nhà máy điện hạt nhân. Họ đã nắm bắt được điều mà một nạn nhân thổ lộ trong Lời nguyện cầu. Người này đã nói : « Có một ý nghĩ lạ thường cứ ám ảnh tôi, dằn vặt lấy tôi. Ý nghĩ này không phải của tôi đâu, có lẽ tôi đã đọc được ở đâu đó. Ý nghĩ này là tôi đã chứng kiến điều mà người khác chưa từng thấy. Trước mắt chúng tôi một điều gì đó hết sức khiếp khủng đã mở ra trước những người khác ».

Lời nguyện cầu của Svetlana Alexievitch trong chiều hướng ấy được dâng lên đáng cao cả để cho điều khiếp khủng đó không tái diễn.

Phần VI: Sự bù đắp của lịch sử Tiệp Khắc thông qua một vụ xét xử mang tính tiên lệ

Đó là trường hợp tiêu biểu của bà Ludmila Brozova - Polednova, cựu Công tố viên Nhà nước Tiệp Khắc thời cộng sản. Tuy đã rất cao tuổi, nhưng bà Ludmila vẫn bị kết án 6 năm tù giam, vì bà đã từng tham gia vào các

vụ án ngục tạo vào những năm 1950. Ngày 20-3-2009 là thời hạn mà Tòa án Praha (Cộng hòa Czech) buộc một bị cáo đã 87 tuổi - bà Ludmila Brozová-Polednová - phải vào tù thụ án. Đồng thời, tòa cũng tính đến khả năng phải đưa ngay người phụ nữ đứng tuổi này vào một bệnh viện dành cho tù nhân và dựa trên kết quả kiểm tra sức khỏe tại đó để có quyết định về những tháng ngày sắp tới của bà. Vậy, bà Brozová-Polednová là ai, và đã làm gì để cơ quan tư pháp và hành pháp của Cộng hòa Czech phải có thái độ quyết liệt như vậy, ngay cả khi người phụ nữ này đã ở tuổi rất gần đất xa trời? Thông tin viên Hoàng Nguyễn tường trình từ Budapest.

Án tử hình ngục tạo cho một nữ chính khách

Để trả lời câu hỏi đó, phải trở lại những năm đầu của thập niên 50 thế kỷ trước. Theo hình mẫu của các vụ án ngục tạo Moscow những năm 30, các nước Đông Âu – dưới sự lãnh đạo của các Đảng Cộng sản do Liên Xô đỡ đầu - đều có những “sản phẩm” riêng của mình. Nhiều yếu nhân của Đảng Cộng sản các quốc gia Đông Âu – như Kostov (Bulgaria), Slánský (Tiệp Khắc), Rajk László (Hungary)... -, cùng các chính khách đối lập đương thời, đã trở thành nạn nhân trong những phiên tòa được dàn dựng công phu và ngoạn mục, mang tính “trình diễn”, để bị tù đầy hoặc thậm chí tử hình với những lời buộc tội bịa đặt. Chỉ riêng tại Tiệp Khắc thời gian ấy, đã có chừng 250 người trở thành nạn nhân trong các phiên tòa ngục tạo. Một trong những phiên tòa lớn nhất, được công luận để ý nhất, đã diễn ra vào năm 1950 dưới sự thông đồng của chính quyền CS và nhóm công tố viên nhà nước, trong đó, có một nữ công tố viên hiện vẫn còn sống. Đó là bà Ludmila Brozová-Polednová, đã bị bản án 6 năm tù giam có hiệu lực pháp lý từ tháng Chín năm ngoái.

Nhân vật trụ cột của phiên tòa ngục tạo

Trong vụ án ngục tạo nhắc tới ở trên, bà Polednová là một trong 4 công tố viên nhà nước và được coi như một trụ cột của vụ án. Theo các tư liệu mới được bạch hóa, sở dĩ nữ công tố viên Polednová được chính quyền đưa vào thành phần của nhóm công tố nhà nước để trong phiên tòa, trước đông đảo cử tọa, bà ta sẽ nhận phần buộc tội một nữ chính khách tên là Milada Horáková, bị cáo nữ duy nhất bị án tử hình trong các vụ án ngục tạo thời đó ở Tiệp Khắc.

Horáková là một nhân vật sáng giá trên chính trường Tiệp Khắc và quốc tế. Trước khi Đảng Cộng sản Tiệp Khắc lên nắm quyền vào năm 1948, bà Horáková là một chính khách uy tín của Đảng Xã hội Quốc gia Tiệp Khắc, một chính đảng có quan điểm chống phát-xít triệt để. Tuy nhiên, sau 1948, những người cộng sản lại coi các thành viên đảng này là kẻ thù. Trong phiên tòa xét xử bà Horáková và một số chính khách khác, có 4 án tử hình đã được tuyên, bên cạnh 3 án tù chung thân; 5 bị cáo khác bị tù giam 15-28 năm. Mặc dù bản án tử hình đối với bà Horáková đã bị rất nhiều nhân sĩ nổi tiếng trên thế giới phản đối, trong đó có nhà bác học Albert Einstein, bản án vẫn được thi hành vào ngày 27-6-1950.

Những phán quyết của phiên tòa kể trên - dựa trên các bằng cứ ngục tạo – đã được xóa bỏ trong Mùa xuân Praha 1968, tuy nhiên, cá nhân bà Horáková chỉ được phục hồi sau khi Tiệp Khắc thay đổi thể chế chính trị năm 1989.

Mọi việc tưởng như trôi vào quên lãng, khi vào năm 2007, tức là sau 57 năm, Cộng hòa Czech đã phát hiện ra những bằng cứ cho thấy, cựu công tố viên nhà nước Polednová đã tham gia quá trình khởi thảo bản cáo trạng ngục tạo khiến bà Horáková phải chịu án tử hình!

Theo những tư liệu được bạch hóa bởi Cục Điều tra và Thu thập những Tội ác của Chủ nghĩa Cộng sản (Cộng hòa Czech), bà Polednová không chỉ đã tích cực tham gia trong vụ án được dàn dựng, mà những hành động của bà còn đi ngược lại những điều khoản của Bộ Luật Hình sự đương thời.

Qua nhiều phiên tranh tụng căng thẳng, phiên tòa chung thẩm vào tháng 9-2008 đã kết luận: vì những tội trạng góp phần gây nên án tử hình đối với nữ chính khách Horáková, bà Polednová có tội tham dự hành vi giết người và phải chịu bản án 6 năm tù giam!

Sự bù đắp của lịch sử thông qua một phán quyết mang tính tiền lệ

Tại Cộng hòa Czech, vụ án trên được công luận coi là mang tính biểu tượng và tiền lệ, ở chỗ nó chứng tỏ rằng những tội lỗi nghiêm trọng nhất của quá khứ không bao giờ hết thời hiệu! Như nhận định của một nhật báo Czech, “*mục đích cao nhất không phải là để những thủ phạm hiện nay đã rất cao tuổi phải vào tù, mà là một sự đền bù của lịch sử*”.

Một trong rất nhiều ý kiến hưởng ứng phán quyết của cơ quan tư pháp Czech cho rằng, rất cần để bị cáo phải vào tù, chỉ cần trong một ngày, để hiểu được sự bi thảm của tấn thảm kịch mà bà ta đã gây ra cho các thủ phạm.

Trực diện và sòng phẳng với quá khứ, để những thủ phạm phải chịu trách nhiệm với những gì đã gây ra, không chỉ là vấn đề của Cộng hòa Czech. Tại Hungary, Ba Lan, CHLB Đức..., trong một số vụ án tương tự, các bị cáo đã viện có "*chỉ thực hiện bốn phận mà cấp trên giao phó*", "*chuyện xảy ra lâu quá rồi, đã hết thời hiệu*"... để tránh tội và trong nhiều trường hợp, họ đã thành công trong bối cảnh Đông Âu đã thiết lập được những nền tư pháp tương đối dân chủ, công bằng và không nhằm mục đích "báo thù".

Tuy nhiên, như trường hợp đối với bà Brozová - Polednová cũng cho thấy, trong những trường hợp này, phán quyết của cơ quan tư pháp vẫn có thể khiến lương tâm các thủ phạm luôn phải ám ảnh về những tội lỗi của họ. Những tội ác không bao giờ hết thời hiệu !

Phần VII - Günter Schabowski, ủy viên bộ chính trị đảng Công sản Đông Đức : "Bức Tường Berlin sụp đổ là một tất yếu lịch sử"

Hai mươi năm sau ngày bức tường Berlin sụp đổ, người công bố lệnh cho dân Đông Đức tự do qua phương Tây vào lúc ấy, ông Günter Schabowski vừa xuất bản hồi ký và thừa nhận sự kiện đó là một "tất yếu lịch sử". Trong một bài phỏng vấn về vai trò của ông trong những sự kiện cách đây 20 năm, ông Günter Schabowski, một cựu lãnh tụ cộng sản Đông Đức đã tuyên bố vào trung tuần tháng 3/2009 rằng vụ vức tường Berlin "sụp đổ là tất yếu lịch sử !" Trên cương vị ủy viên Bộ Chính trị Đảng Công nhân Xã hội Thống nhất Đức (Đảng Cộng sản Đông Đức), vào ngày 09/11/1989 định mệnh, ông Schabowski đã thay mặt Đảng thông báo những biện pháp của nhà nước cộng sản Đông Đức để "tạo điều kiện" cho công dân nước này "xuất ngoại" một cách dễ dàng hơn.

Trả lời một câu hỏi bất ngờ của giới ký giả về hiệu lực pháp lý của quyết định kể trên, do bối rối nên ông đã đáp "*có hiệu lực tức thì*". (*) Câu trả lời ấy được cư dân Đông Đức hiểu theo nghĩa biên giới ngăn cách Đông – Tây đã được mở. Hàng trăm ngàn người dân đã "phong tỏa" các cửa khẩu, bắt đầu công cuộc dỡ bức tường Berlin.

"Chúng ta đã làm hỏng mọi thứ"

Năm nay đã 80 tuổi, ông Schabowski vừa cho ra mắt cuốn sách "Hầu như chúng ta đã làm hỏng mọi thứ" (Wir haben fast alles falsch gemacht) về những ngày tàn của Cộng hòa Dân chủ Đức. Liên quan đến những sự kiện đã xảy ra, nhắc đến vai trò của mình, cựu chính khách cộng sản này cho rằng, trong thực tế, ông đã xử sự như một "công cụ của lịch sử". Trong một dịp trả lời phỏng vấn, Schabowski khẳng định: "Sự sụp đổ của bức tường Berlin là một tất yếu lịch sử", nhưng ông cũng nhấn mạnh: "Thời đó, cả tôi, cả các chính khách Phương Tây đều chưa ý thức được tác động của việc bức tường sụp đổ". Schabowski nhắc tới một thực tế: thể chế cộng sản đương thời không chỉ cáo chung tại Cộng hòa Dân chủ Đức, mà sự sụp đổ của nó cũng đang ở giai đoạn cuối tại Liên Xô. Chính quá trình diễn ra ở trung tâm của chủ nghĩa Cộng sản ở Maxcova – cho dù có phần chậm trễ hơn - nhưng đã góp phần để các "quốc gia sen đầm" buộc phải rời vũ trường chính trị trước thời hạn.

Trong những năm cuối cùng của Cộng hòa Dân chủ Đức cộng sản, ông Schabowski là thành viên nhóm cải tổ trong Đảng Cộng sản Đông Đức. Ông là lãnh tụ cộng sản duy nhất ở Đức đã đứng về phía phong trào phản kháng của cư dân nước này, dẫn tới sự sụp đổ của Đông Đức. Đầu tháng 12-1989, Schabowski ra khỏi Ban lãnh đạo đảng, rồi ông bị khai trừ khỏi đảng vào cuối tháng 1-1990.

Cựu lãnh đạo Đông Đức duy nhất thừa nhận lỗi lầm quá khứ

Do những tuyên bố mang tính "phản tỉnh", phê phán bản thân và chế độ độc đoán thời cộng sản ở Cộng hòa Dân chủ Đức, sau khi nước Đức thống nhất, quan hệ giữa Schabowski và các đồng chí cũ tòi đi trông thấy. Thời gian 1992-1999, ông ra một tờ báo địa phương tại vùng Hessen. Năm 1993, Schabowski bị buộc tội giả mạo kết quả bầu cử thời Đông Đức, nhưng đến năm 1997 lời cáo buộc này được đình chỉ. Cũng trong thời gian đó, cùng nhiều thành viên Ban lãnh đạo thượng đỉnh Đảng Cộng sản Đông Đức, Schabowski còn bị ra tòa và chịu bản án 3 năm tù giam (tháng 8-1997) bởi lệnh nổ súng không thương tiếc vào những người di tản bên bức tường Berlin. Trái với các đồng sự, Schabowski chấp nhận phán quyết này và thừa nhận trách nhiệm đạo đức trước cái chết của những người vượt biên. Ông phải thụ án tại nhà tù Berlin-Spandau và được phóng thích ngày 2-12-2000.

Là một chứng nhân quan trọng của những sự kiện 20 năm trước, nhưng đồng thời, Schabowski cũng là lãnh tụ Đông Đức duy nhất thừa nhận những tội lỗi đã phạm phải dưới chế độ cộng sản. Trong cuốn sách mới ấn hành mới đây, ông vẫn bảo lưu cái nhìn này, một quan điểm trái ngược với Egon Krenz và nhiều nhân vật cộng sản “chính thống” khác của Cộng hòa Dân chủ Đức.

(*) Theo hồi ký được ra mắt vào trung tuần tháng 2-2009 của Egon Krenz, cựu tổng bí thư cuối cùng của Đảng Cộng sản Đông Đức, nước này “định mở cửa biên giới chậm hơn 1 ngày, nhưng Günter Schabowski đã vội vàng tuyên bố điều đó.

Lê Diễn Đức